Nghiên cứu tiềm năng thị trường của một số loại cây trồng xen trong vườn ca cao theo nông lâm kết hợp tại nông hộ

Báo cáo

Đơn vị tài trợ

Đơn vị thực hiện

Đối tác thực hiện

Tổ chức xuất bản:
Deutsche Gesellschaft für
Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Văn phòng đã đăng ký
Bonn và Eschborn, Đức

Văn phòng GIZ Hà Nội
Tầng 6, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T+84 0243 2373 110

E giz-vietnam@giz.de
I https://www.giz.de/en/worldwide/109863.html

Tác giả: Hồ Lê Phi Khanh
Cùng sự đóng góp của: GIZ/Anne Theuerkauf, Hà Thị Thương Thương, Trịnh Ngọc Quỳnh
Huế và Hà Nội, Việt Nam

Nguồn ảnh:
GIZ/Hà Thị Thương Thương

Tháng 8 năm 2024

Mục lục

1. Giới thiệu 1

2. Tiến trình nghiên cứu 2

Bước 1: Tổng quan tài liệu nhằm xác định danh mục các mô hình nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, có thể tích hợp vào hệ thống nông lâm kết hợp của cây ca cao và có tiềm năng về thị trường 2

Bước 2: Tham vấn để lựa chọn các mô hình có tiềm năng nhất 3

Bước 3: Lập sơ đồ hiện trạng chuỗi giá trị các sản phẩm được lựa chọn và xác định tiềm năng phát triển thị trường 4

Bước 4: Xây dựng kế hoạch tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm 4

3. Kết quả nghiên cứu 4

3.1 Tổng quan về sản xuất nông nghiệp tại các điểm nghiên cứu 4

3.2 Lựa chọn mô hình tiềm năng từ mô hình trồng xen ghép trong vườn ca cao theo hướng nông lâm kết hợp 6

3.2.1 Kết quả lựa chọn mô hình tiềm năng tại huyện Ea Kar 6

3.2.2 Lựa chọn sản phẩm tiềm năng tại huyện Cát Tiên 9

3.2.3 Lựa chọn sản phẩm tiềm năng tại huyện Đạ Tẻh 11

3.3 Phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm được lựa chọn 13

3.3.1 Chuỗi giá trị chanh dây và mãng cầu xiêm tại huyện Ea Kar 13

3.3.2 Chuỗi giá trị nghệ đen (Curcuma zedoaria) và sả tại huyện Cát Tiên 16

3.3.3 Chuỗi giá trị trà hoa vàng và diếp cá ở huyện Đạ Tẻh 18

4. Kế hoạch tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm 21

4.1 Chanh dây 21

4.1.1 Nâng cao chất lượng chanh dây thông qua quản lý tốt dịch hại tổng hợp 21

4.1.2 Thiết lập chuỗi cung ứng chanh dây và đa dạng hóa sản phẩm từ chanh dây 21

4.1.3 Hỗ trợ hợp tác xã tham gia các sự kiện tiếp thị và thương mại điện tử 22

4.2 Mãng cầu xiêm 22

4.2.1 Nâng cao năng lực sản xuất mãng cầu xiêm trên địa bàn huyện 22

4.2.2 Thiết lập các kênh thị trường mới và củng cố chuỗi cung ứng hiện có cho sản phẩm mãng cầu xiêm 23

4.2.3 Đa dạng hóa sản phẩm bằng chế biến nguyên liệu thu hoạch tươi 23

4.3 Nghệ đen 23
4.3.1 Cải tạo vùng sản xuất nghệ đen 23
4.3.2 Phát triển kênh thị trường mới và đa dạng hóa sản phẩm từ nghệ đen 24
4.4 Sả 24
4.4.1 Tăng diện tích sản xuất sả trên địa bàn huyện 24
4.4.2 Phát triển liên kết thị trường cho sả 25
4.5 Trà hoa vàng 25
4.5.1 Nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã và nông dân 25
4.5.2 Cung cấp cây giống trà hoa vàng cho nông dân 26
4.5.3 Thiết lập kênh thị trường cho trà hoa vàng 26
4.6 Diếp cá 26
4.6.1 Cải tạo diện tích trồng diếp cá đảm bảo cung cấp nguyên liệu ổn định cho các đơn vị gồm Thực phẩm dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Trang trại Đà Lạt và ICHFOODS Đà Lạt 26
4.6.2 Tăng cường liên kết thị trường cho sản phẩm diếp cá 27

Danh sách các bảng

Bảng 1: Danh sách các mô hình tiềm năng có thể kết hợp trong vườn ca cao theo hướng nông lâm kết hợp 3
Bảng 2: Tiêu chí lựa chọn mô hình tiềm năng 4
Bảng 3: Đánh giá lựa chọn sản phẩm tiềm năng từ các mô hình có thể trồng xen trong vườn ca cao tại huyện Ea Kar 7
Bảng 4: Đánh giá lựa chọn sản phẩm tiềm năng từ các mô hình có thể trồng xen trong vườn ca cao tại huyện Cát Tiên 9
Bảng 5: Đánh giá lựa chọn mô hình tiềm năng để kết hợp trong vườn ca cao tại huyện Đạ Tẻh 12

Danh sách các hình

Hình1: Tiến trình nghiên cứu xác định mô hình tiềm năng kết hợp với canh tác ca cao. 2
Hình 2: Hiện trạng chuỗi giá trị chanh dây và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Ea Kar 14
Hình 3: Hiện trạng chuỗi giá trị mãng cầu xiêm và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Ea Kar 15
Hình 4: Hiện trạng chuỗi giá trị nghệ đen và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Cát Tiên 17
Hình 5: Hiện trạng chuỗi giá trị cây sả và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Cát Tiên 18
Hình 6: Hiện trạng chuỗi giá trị Trà hoa vàng và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Đạ Tẻh 19
Hình 7: Hiện trạng chuỗi giá trị cây diếp cá và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Đạ Tẻh 20

Tóm tắt

Một trong những mục tiêu của dự án develoPPP “Canh tác ca cao tái sinh để hỗ trợ phát triển sinh kế ở Việt Nam” đồng thực hiện bởi GIZ và Puratos Grand Place Việt Nam là đa dạng hóa và nâng cao thu nhập của nông hộ trồng ca cao. Để đạt được mục tiêu này, dự án đã tiến hành nghiên cứu nhằm đánh giá tổng thể thị trường và tiềm năng về các nông sản sản ngoài ca cao, từ đó thúc đẩy việc lồng ghép vào hệ thống nông lâm kết hợp với cây ca cao ca cao. Các nội dung nghiên cứu tập trung vào quy mô sản xuất, hiện trạng cũng như xu hướng và tiềm năng thị trường, xác định chuỗi giá trị của các sản phẩm chính, từ đó lập kế hoạch khả thi để phát triển thị trường và quảng bá cho các sản phẩm tiềm năng.

Nghiên cứu này áp dụng cách tiếp cận theo 4 bước, trong đó bước 1 nghiên cứu tổng quan nhằm xác định các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi có tiềm năng về thị trường và có thể tích hợp vào hệ thống nông lâm kết hợp với cây ca cao ở các tỉnh Đăk Lăk và Lâm Đồng. Dựa trên danh mục sản phẩm được xác định ở bước 1, bước 2 áp dụng phương pháp phỏng vấn sâu với đại diện chính quyền, sở ban ngành địa phương để lựa chọn những sản phẩm tiềm năng nhất dựa trên 3 tiêu chí: khả năng đổi mới sản phẩm, khả năng ứng phó với những thách thức của thị trường và tính phù hợp với khả năng đầu tư lao động và tài chính của nông hộ. Từ kết quả lựa chọn tại bước 2, bước 3 phân tích các chuỗi giá trị hiện tại và các chuỗi tiềm năng để xác định các cơ hội phát triển thị trường mới, và bước 4 là xây dựng kế hoạch tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm.

Với cách tiếp cận trên, nghiên cứu đã xác định được cây chanh dây, mãng cầu xiêm, nghệ đen, cây sả, trà hoa vàng, và cây diếp cá là những sản phẩm tiềm năng phát triển thị trường, giúp người trồng ca cao tăng thu nhập. Tại huyện Ea Kar, cây chanh dây và mãng cầu xiêm được xác định là có tiềm năng phát triển thị trường thông qua việc chế biến nhằm gia tăng giá trị của sản phẩm và đa dạng hoá kênh tiêu thụ sản phẩm thông qua việc kết nối với các hợp tác xã và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đak Lak. Nghệ đen và sả được xem là sản phẩm có tiềm năng về thị trường tại huyện Cát Tiên vì bột nghệ đen có thể dùng làm gia vị và thuốc cổ truyền cho mục đích chữa bệnh, trong khi sả có thể dùng để sản xuất tinh dầu - đây là loại loại thuốc giảm đau, điều trị các vấn đề về dạ dày và sốt. Đối với huyện Đạ Tẻh, trà hoa vàng và rau diếp cá có tiềm năng hơn các loại cây trồng khác. Trà hoa vàng giúp cải thiện độ phì nhiêu của đất và có thể chế biến thành trà cũng như các sản phẩm khô khác. Rau diếp cá chứa nhiều dưỡng chất và có tác dụng giải nhiệt, có thể sử dụng như rau trong bữa ăn hàng ngày, làm nước ép, và nghiền thành bột diếp cá có tác dụng giải nhiệt, bồi bổ cơ thể.

Nghiên cứu cũng đề xuất kế hoạch tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm cho các sản phẩm được lựa chọn, bao gồm nâng cao năng lực tiếp thị cho hợp tác xã và nông dân trồng ca cao, tập huấn chế biến và đóng gói cho hợp tác xã, tổ chức hoặc tham gia các sự kiện tiếp thị để giới thiệu sản phẩm của các huyện, phát triển thương mại điện tử cho các hợp tác xã và liên kết, ký kết hợp đồng với thương nhân hoặc công ty chế biến nông sản tại địa phương.

1. Giới thiệu

Tại Việt Nam, cây ca cao ngày càng đóng vai trò quan trọng không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương mà còn góp phần cải thiện sinh kế của nông dân địa phương, đặc biệt là ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, việc phát huy hết tiềm năng của ngành ca cao đòi hỏi phải vượt qua những thách thức, trong đó có sự sụt giảm mang tính lịch sử về diện tích trồng ca cao từ 25.700 ha năm 2012 xuống còn 5.028 ha vào năm 2019 (Hồng, Hà, Hương, & Hoa, 2022). Nhiều nguyên nhân gây ra vấn đề này bao gồm suy giảm giá bán, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lựa chọn vùng trồng trọt không phù hợp, hạn chế về kỹ thuật trồng trọt, thiếu chính sách hỗ trợ của nhà nước và vấn đề biến đổi khí hậu. Do đó, nông dân đã thay thế ca cao bằng các loại cây trồng khác có năng suất và thu nhập cao hơn.

Với những lợi ích của cây ca cao đối với phát triển kinh tế địa phương, cải thiện sinh kế cho nông dân, khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu và tác động tích cực đến đa dạng sinh học, nhiều nỗ lực khác nhau đã được thực hiện để tái sinh mô hình canh tác ca cao. Điển hình như tăng cường cây che bóng trong mô hình, áp dụng các kỹ thuật canh tác thông minh và nông lâm kết hợp tại các vườn ca cao. Tuy nhiên, sự phát triển bền vững của ngành ca cao không chỉ phụ thuộc vào các kỹ thuật canh tác mà còn dựa vào khả năng tạo ra thu nhập phù hợp cho hộ trồng ca cao. Điều này có nghĩa rằng nông hộ trồng ca cao cần có một nguồn thu nhập bổ sung khác từ cây trồng có thể kết hợp vào vườn ca cao để họ có thể tối ưu hóa thu nhập.

Dự án develoPPP của GIZ và Puratos Grand Place Việt Nam nhằm mục đích tăng cường nguồn cung ca cao tại Việt Nam cùng với việc tăng cường khả năng chống chịu và sinh kế của người nông dân và hệ thống canh tác. DeveloPPP là chương trình tài trợ của Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ) với cách tiếp cận hướng đến các công ty muốn đầu tư bền vững vào một quốc gia đang phát triển và mở rộng hoạt động tại địa phương.

Dự án được thực hiện tại 3 huyện: Ea Kar (tỉnh Đắk Lắk), Cát Tiên và Đạ Tẻh (tỉnh Lâm Đồng), trong đó đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông dân từ hệ thống nông lâm kết hợp có cây ca cao là một trong những mục tiêu chính của dự án. Để đạt được mục tiêu này, dự án tìm kiếm các mô hình sản xuất mà có thể được trồng xen vào các vườn ca cao, đồng thời có khả năng tạo thêm nguồn thu nhập bổ sung hoặc thay thế cho nông dân để giảm nguy cơ mất thu nhập. Hơn nữa, các mô hình sản xuất này cần phải có thị trường để người nông dân có thể đạt được hiệu quả kinh doanh cao. Việc xác định các mô hình sản xuất tiềm năng được đánh giá bằng 3 tiêu chí gồm (1) khả năng đổi mới – là tiềm năng nâng cao giá trị sản phẩm thông qua việc chế biến và đa dạng hóa thành phẩm, tiềm năng tiếp cận các kênh tiêu thụ mới để tăng khối lượng sản phẩm được tiêu thụ; (2) khả năng ứng phó và thích ứng với những biến động của thị trường như giá bán giảm, thay đổi nhu cầu của khách hàng, và sự cạnh tranh trên thị trường; và (3) khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ.

Nghiên cứu này được thực hiện tại ba huyện Ea Kar (tỉnh Đắk Lắk) và Cát Tiên và Đạ Tẻh (tỉnh Lâm Đồng) từ tháng 11/2023 tới tháng 8/2024 để đánh giá tổng quan các sản phẩm có tiềm năng phát triển thị trường, từ đó lập sơ chuỗi giá trị cho các sản phẩm, đề xuất kế hoạch tiếp cận thị trường và đề xuất kế hoạch quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm tiềm năng.

Báo cáo được cấu trúc thành 4 phần, trong đó phần 1 và phần 2 tập trung vào giới thiệu lý do thực hiện nghiên cứu và tiến trình nghiên cứu. Phần thứ ba trình bày những phát hiện từ nghiên cứu và phần thứ tư thảo luận về kế hoạch tiếp cận thị trường.

2. Tiến trình nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp cả hai phương pháp: tổng quan tài liệu và điều tra thu thập số liệu tại các địa phương để xác định các sản phẩm có tiềm năng nhất nhằm tạo thêm thu nhập cho nông dân trồng ca cao. Trong đó, việc tổng quan tài liệu nhằm mục đích tổng hợp các mô hình trồng trọt có tiềm năng thị trường có thể được trồng xen trong các hệ thống nông lâm kết hợp ca cao. Việc thu thập dữ liệu thực địa nhằm đánh giá mức độ phù hợp và lựa chọn các sản phẩm đã được xác định ở nội dung tổng quan tài liệu, thông qua xem xét tính phù hợp với điều kiện khí hậu tại địa phương cũng như tiềm năng phát triển thị trường. Cách tiếp cận này được thực hiện theo bốn bước như được trình bày trong hình 1.

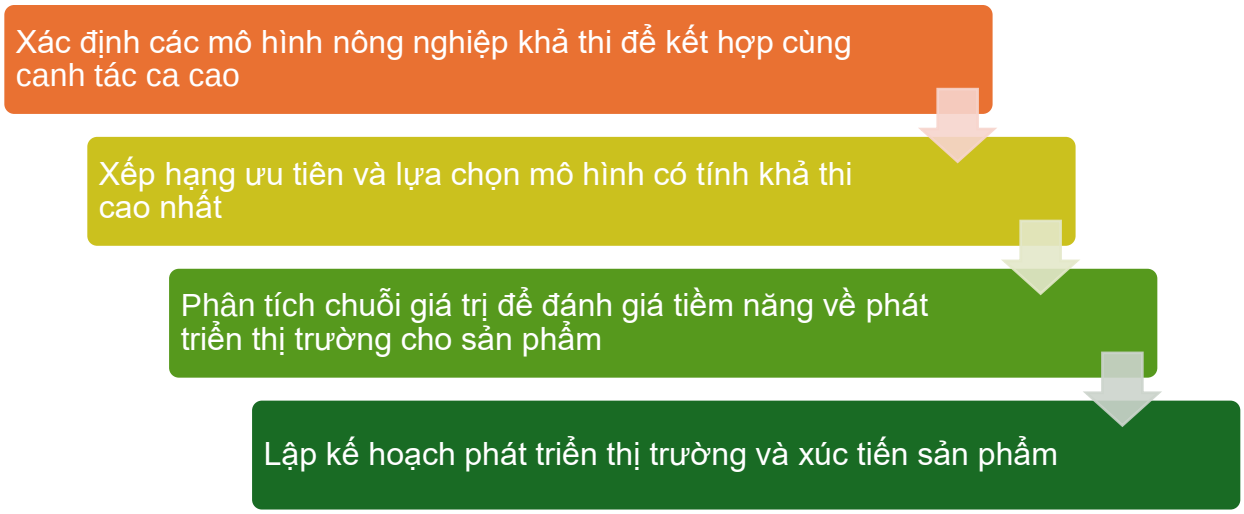

Hình1: Tiến trình nghiên cứu xác định mô hình tiềm năng kết hợp với canh tác ca cao

Bước 1: Tổng quan tài liệu nhằm xác định danh mục các mô hình nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, có thể tích hợp vào hệ thống nông lâm kết hợp của cây ca cao và có tiềm năng về thị trường

Mục tiêu của bước này là xác định các mô hình đã và đang được kết hợp trong hệ thống nông lâm kết hợp canh tác ca cao trên địa bàn các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk. Đây là phương pháp tổng quan có định hướng, trong đó chỉ lựa chọn những loại cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và có tiềm năng về thị trường. Các tài liệu được sử dụng trong phần tổng quan bao gồm các báo cáo, ấn phẩm, quyết định của chính phủ và văn bản quy

hoạch được thực hiện hoặc ban hành trên địa bàn hai tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng nói chung và ba huyện Ea Kar, Cát Tiên, Đạ Tẻh nói riêng. Bên cạnh đó, dữ liệu thứ cấp từ niên giám thống kê, website và báo cáo kinh tế xã hội hàng năm của các huyện cũng được khai thác để có cái nhìn tổng quan về các mô hình canh tác nông lâm kết hợp cây ca cao tại vùng dự án. Kết quả của bước 1 là danh sách các mô hình sẽ được đưa vào bước 2 - tham vấn thông qua phỏng vấn có cấu trúc (xem Bảng 1).

Bảng 1: Danh sách các mô hình tiềm năng có thể kết hợp trong vườn ca cao theo hướng nông lâm kết hợp

	Ea Kar	**Cát Tiên**	**Đạ Tẻh**
Cây ăn quả và cây ngắn ngày	Mắc ca	Sầu riêng	Hồ tiêu
	Mãng cầu xiêm	Bơ	Sầu riêng
	Cây hông	Điều	Quýt
	Vải thiều	Hồ tiêu	Bưởi
	Cà phê	Cà phê	Cà phê
	Điều	Cam	Cây hồng (Diospyros kaki)
	Bưởi	Cây hồng (Diospyros kaki)	Điều
	Sầu riêng		Dứa
	Hồ tiêu		
	Chanh dây		
	Đậu đen		
Cây thảo dược	Chùm ngây	Nghệ đen (Curcuma zedoaria)	Rau diếp cá
	Gừng sẻ	Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms)	Ớt
		Chè dây *(Ampelopsis cantoniensis)*	Trà hoa vàng
		Sả	
Chăn nuôi	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi bò
	Chăn nuôi lợn	Chăn nuôi lợn	Chăn nuôi lợn
	Chăn nuôi dê	Chăn nuôi dê	Chăn nuôi dê

Nguồn: Tổng hợp của tư vấn năm 2024

Bước 2: Tham vấn để lựa chọn các mô hình có tiềm năng nhất

Mục tiêu của bước 2 là chọn ra những mô hình phù hợp nhất từ danh sách đã tổng hợp tại bước 1. Công cụ sử dụng trong bước 2 là phỏng người am hiểu từ Trung tâm Khuyến nông, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, cán bộ xã và nông dân trồng ca cao. Mỗi người tham gia phỏng vấn được cung cấp danh sách các mô hình tại bước 1 và các tiêu chí lựa chọn các sản phẩm (bảng 2) và được hỏi ý kiến về các mô hình dựa theo các tiêu chí này.

Mỗi địa phương (huyện) sẽ lựa chọn 2 sản phẩm. Vì vậy sau khi mỗi người tham gia khảo sát lựa chọn các sản phẩm, tổng hợp 2 sản phẩm nào có số người lựa chọn nhiều nhất sẽ được sử dụng để phân tích tại bước 3 và 4. Các câu hỏi phỏng vấn tập trung vào tình hình sản xuất và lợi thế so sánh của các mô hình tại địa phương, thị trường tiêu thụ và các định hướng phát triển của các mô hình trong thời gian tới.

Bảng 2: Tiêu chí lựa chọn mô hình tiềm năng

Tiêu chí	Giải thích
Khả năng đổi mới	Tiêu chí này hàm ý khả năng đa dạng hóa sản phẩm thông qua chế biến và khả năng tiếp cận kênh thị trường mời nhằm tăng khối lượng tiêu thụ sản phẩm
Khả năng ứng phó và thích ứng với những biến động của thị trường	Tiêu chí này đề cập đến khả năng ứng phó trước những biến động giá cả, sự thay đổi nhu cầu của người tiêu dùng, từ đó tạo điều kiện cho thu nhập ổn định cho hộ trồng ca cao. Hơn nữa, sản phẩm được lựa chọn phải có chất lượng vượt trội, có thể cạnh tranh với các đối thủ đến từ các tỉnh, khu vực khác.
Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ	Tiêu chí này đề cập đến khả năng nông dân có thể đầu tư cho hoạt động sản xuất được lựa chọn bằng nguồn lao động và khả năng tài chính phù hợp của nông hộ.

Bước 3: Lập sơ đồ hiện trạng chuỗi giá trị các sản phẩm được lựa chọn và xác định tiềm năng phát triển thị trường

Mục tiêu của bước 3 nhằm xác định các kênh thị trường hiện tại và tiềm năng trong tương lai mà nông dân có thể sử dụng để buôn bán và tiếp thị. Sản phẩm từ các mô hình đã được lựa chọn tại bước 2 sẽ được khảo sát để lập bản đồ chuỗi cung ứng sản phẩm từ nông dân đến người thu gom, nhà chế biến, nhà bán buôn và nhà bán lẻ. Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu các thương lái, hợp tác xã và những tác nhân thị trường khác để xác định khả năng phát triển sản phẩm, dự đoán các cơ hội thị trường và xác định các hoạt động chuỗi cung ứng hiện tại từ nông dân đến người tiêu dùng.

Bước 4: Xây dựng kế hoạch tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm

Trong quá trình phỏng vấn thu thập thông tin, những người được phỏng vấn được yêu cầu đưa ra các khuyến nghị để cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm được chọn. Dựa trên danh sách khuyến nghị, chuyên gia tư vấn đề xuất kế hoạch tiếp cận thị trường được trình bày chi tiết ở phần 4.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Tổng quan về sản xuất nông nghiệp tại các điểm nghiên cứu

Kết quả từ số liệu thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp tại 3 huyện Ea Kar, Cát Tiên và Đạ Tẻh cho thấy, cây ăn quả và một số loại cây công nghiệp khác được ưu tiên phát triển trên địa bàn huyện. Cụ thể, huyện Ea Kar có diện tích 103.747 ha, trong đó 50.155 ha được

sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, chiếm 48,34% (UBND huyện Ea Kar, 2023a). Phần lớn diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để trồng cây lâu năm như điều, tiêu, cao su, cà phê, chè. Một diện tích nhỏ được sử dụng để trồng thuốc lá, cây lấy sợi như bông, đay, cói... cho năng suất cao. Trong năm 2023, tổng giá trị sản xuất của toàn tỉnh là 13.738 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2022. Trong đó giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 6.540 tỷ đồng, tăng 6,9% so với năm 2022. Nhìn chung, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì sự phát triển ổn định. Tổng sản lượng có hạt ước đạt 155.580 tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong những năm qua, các nông hộ trên địa bàn huyện Ea Kar chủ động chuyển đổi sang cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên địa phương, mang lại hiệu quả kinh tế cao như các mô hình vải, nhãn, và sầu riêng (UBND huyện Ea Kar, 2023b)

Huyện Cát Tiên có tổng diện tích gieo trồng hơn 20.000 ha, trong đó cây hàng năm chiếm 11.704 ha và cây lâu năm chiếm 8.324 ha. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân của huyện Cát Tiên tăng 3,33%/năm và giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đến năm 2023 đạt 70 triệu đồng/ha/năm. Ngành trồng trọt chiếm ưu thế với 63,63% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, trong khi đó ngành chăn nuôi chiếm 31,07% và dịch vụ 5,3% (UBND huyện Cát Tiên, 2023a). Toàn huyện có 808,39 ha cây ăn quả, trong đó 491,92 ha cây ăn quả đã cho thu hoạch với năng suất bình quân đạt 92,23 tạ/ha. (UBND huyện Cát Tiên, 2023b). Diện tích cà phê là 546,5 ha, tăng 1,46% so với năm 2020 (UBND huyện Cát Tiên, 2023b). Diện tích cà phê tăng chủ yếu do trồng bổ sung và chuyển đổi cây trồng từ điều sang cà phê để tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. Năng suất tuy có tăng lên theo thời gian nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình nhiều năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh thán thư và bọ muỗi những năm trước.

Huyện Đạ Tẻh có diện tích gieo trồng là 23.509 ha, trong đó trên 851 ha được chứng nhận VietGAP, 19 ha áp dụng các hình thức canh tác nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua công nghệ như canh tác trong nhà kính, hệ thống điều hòa không khí và cảm biến độ ẩm, và 12 ha đã được chứng nhận sản xuất hữu cơ. Hiện trên địa bàn có 571 ha sầu riêng đã được cấp mã số vùng trồng. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một đơn vị diện tích đạt 105,2 triệu đồng/ha. Ngành nông nghiệp địa phương phát triển ổn định. Năm 2023, huyện Đạ Tẻh nâng tổng diện tích gieo trồng lên trên 24.000 ha, phấn đấu đưa giá trị sản phẩm thu hoạch trên một đơn vị diện tích lên 110 triệu đồng và có tổng diện tích khoảng 930 ha với mã vùng trồng, trong đó diện tích lúa là 260 ha và diện tích sầu riêng là 670 ha (UBND huyện Đa Tẻh, 2023b). Trong thời gian qua, chính quyền huyện Đạ Tẻh đã hỗ trợ nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu tốt hơn cho các mặt hàng nông sản có giá trị cạnh tranh và nhu cầu xuất khẩu cao như áp dụng mã số vùng trồng cho cây sầu riêng, xây dựng thương hiệu bưởi da xanh Đạ Tẻh, tăng cường liên kết thị trường gắn với phát triển hợp tác xã, phát triển sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chí Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và đẩy mạnh chế biến nông sản (UBND huyện Da Teh, 2023a).

3.2 Lựa chọn mô hình tiềm năng từ mô hình trồng xen ghép trong vườn ca cao theo hướng nông lâm kết hợp

Cay ca cao xuất xứ từ rừng nhiệt đới, có thể sống tốt trong các hệ thống nông lâm kết hợp cùng với nhiều loại cây trồng và vật nuôi khác. Hình thức này giúp thúc đẩy đa dạng sinh học nông nghiệp, sử dụng ca cao làm cây trồng chính và đồng thời tạo các nguồn thu nhập bổ sung cho nông hộ. Danh sách các các mô hình sau đây được tổng hợp từ quá trình thu thập thông tin tại các địa phương và thể hiện tiềm năng của việc áp dụng hệ thống nông lâm kết hợp để phát triển cây ca cao và đa dạng hóa các loại cây trồng khác.

Chăn nuôi đóng vai trò quan trọng trong canh tác ca cao bằng cách sử dụng hiệu quả các phụ phẩm của vườn ca cao như lá, vỏ ca cao và các chất thải khác làm thức ăn chăn nuôi và tuần hoàn sử dụng chất thải của chăn nuôi thành phân bón hữu cơ cho ca cao và các loại cây trồng khác. Mặc dù phương pháp canh tác tuần hoàn này là một trong những phương pháp thực hành bền vững nhưng những người được phỏng vấn đã đưa ra một số lý do để không áp dụng phương pháp tại các địa phương thực hiện dự án như sau: (1) Mặc dù quy mô chăn nuôi gia súc gồm dê và lợn tại các địa phương thực hiện dự án rất nhỏ nhưng mô hình chăn nuôi này này tốn nhiều công lao động trong khi đó lợi nhuận thu được từ hoạt động chăn nuôi hạn chế; (2) Một số hoạt động như chăn nuôi bò có mức đầu tư ban đầu cao, khoảng 20 triệu cho một con bò, vượt quá khả năng tài chính của hầu hết các hộ gia đình; (3) Mặc dù chăn nuôi lợn phù hợp hơn với khả năng đầu tư của các hộ gia đình, nhưng sự bùng phát của dịch tả lợn châu Phi mà không có vắc xin hoặc phương pháp điều trị hiệu quả nên nguy cơ rủi ro đáng kể. Xem xét các yếu tố này, các mô hình chăn nuôi đã không được đưa vào để đánh giá tính lựa chọn mô hình tiềm năng.

3.2.1 Kết quả lựa chọn mô hình tiềm năng tại huyện Ea Kar

Kết quả lựa chọn các mô hình theo ba tiêu chí (xem bảng 2) cho thấy rằng, hầu hết các sản phẩm tại huyện Ea Kar đều có những tiềm năng phát triển về thị trường và tạo thu nhập cho hộ trồng ca cao. Tuy nhiên chỉ có 2 trong tổng số 8 mô hình có số người tham gia phỏng vấn lựa chọn nhiều nhất (xem bảng 3). Cụ thể, cây chanh dây được 7 trong số 22 người được phỏng vấn lựa chọn là mô hình phù hợp nhất, tiếp theo là mãng cầu xiêm và vải thiều. Các sản phẩm còn lại gồm mắc ca, gừng sẻ và đậu đen được một hoặc hai người được phỏng vấn lựa chọn. Trong khi đó cây chùm ngây và cây hông không được lựa chọn nào. Dựa theo kết quả này, chanh dây và mãng cầu xiêm đã được chọn để phân tích chuỗi giá trị của chúng và phát triển các kế hoạch tiếp cận thị trường cũng như quảng bá sản phẩm.

- Đối với cây chanh dây: Chanh dây tươi có thể được chế biến để tăng giá trị sản phẩm. Ngoài ra, giá bán sản phẩm đã tăng từ 5.000 đồng/kg lên 8.000 đồng/kg kể từ 2023. Bên cạnh đó, thương lái ở huyện Ea Kar và các huyện lân cận có nhu cầu thu mua sản phẩm rất cao để chế biến trà, mứt, chanh dây sấy khô. Từ những lý do trên cho thấy tiềm năng của mô hình này khi lựa chọn để trồng xen trong vườn ca cao. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là việc trồng xen cây chanh dây trong vườn ca cao chỉ thực hiện trong ba năm đầu tiên khi cây ca cao chưa khép tán. Chanh dây là một

loại cây dây leo có thể che bóng tạm thời cho cây ca cao khi còn non, đồng thời tạo thêm thu nhập vì nhanh cho thu hoạch.

- Đối với mãng cầu xiêm: Mặc dù mãng cầu xiêm và vải thiều có cùng số phiếu lựa chọn nhưng mãng cầu xiêm được đề xuất lựa chọn vì 3 lý do: (1) vải thiều không thích hợp trồng trên toàn huyện do độ phì nhiêu của đất giữa các xã trên địa bàn huyện Ea Kar khác nhau; (2) Thị trường vải thiều trên địa bàn huyện phát triển tốt, tuy nhiên mặt hàng này phụ thuộc vào sức mua của một thương lái lớn chuyên thu mua vải thiều và xuất khẩu sang Trung Quốc và vì thế các nông hộ không có lựa chọn nào khác để đa dạng hóa kênh thị trường. Nếu Trung Quốc ngừng nhập vải thiều, nông dân sẽ gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm; (3) Giá bán vải thiều do một thương lái này quyết định nên nông dân ít có cơ hội đàm phán giá. Không giống như vải thiều, mãng cầu xiêm có khả năng thích ứng tốt hơn với nhiều loại đất khác nhau và có lợi cho việc trồng ca cao. Mãng cầu xiêm không chỉ tạo bóng mát lâu dài cho cây ca cao mà còn là môi trường sống của kiến vàng, thiên địch của bọ muỗi gây hại ca cao. Việc trồng xen canh cây mãng cầu xiêm không chỉ tạo thêm thu nhập mà còn tăng cường cân bằng sinh thái trong vườn ca cao. Bên cạnh đó, kênh thị trường của mãng cầu xiêm đa dạng hơn, mang đến cho nông dân nhiều cơ hội bán hàng hơn. Ngoài ra, mãng cầu có thể chế biến thành trà, mứt để tăng giá trị sản phẩm.

Bảng 3: Đánh giá lựa chọn sản phẩm tiềm năng từ các mô hình có thể trồng xen trong vườn ca cao tại huyện Ea Kar

Các mô hình được đề xuất	**Số người lựa chọn mô hình**	**Mô tả tiêu chí**		
		Khả năng đổi mới	**Khả năng vượt qua biến động của thị trường**	**Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ**
Cây chanh dây	7	Có thể được chế biến làm mứt, siro, nước ép Tăng độ phì nhiêu cho đất trồng ca cao	Năng suất sản phẩm cao Giá tăng và duy trì ổn định trong 3 năm qua. 3 thương lái lớn trên địa bàn huyện có khả năng thu mua cao, trong đó có một công ty chế biến lớn (công ty Chanh Vuông BH)	Một số mô hình thí điểm đã được hình thành với chi phí đầu tư thấp, phù hợp với khả năng tài chính của nông hộ
Cây mãng cầu xiêm	5	Có thể chế biến làm mứt, nước trái cây, trà	Giá ổn định, nhu cầu cao từ các công ty chế biến trà mãng cầu xiêm	Chi phí ban đầu trung bình khoảng 17 triệu đồng/ha, phù hợp với

Các mô hình được đề xuất	Số người lựa chọn mô hình	Mô tả tiêu chí		
		Khả năng đổi mới	**Khả năng vượt qua biến động của thị trường**	**Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ**
				khả năng tài chính của nông dân.
Cây vải thiều	5	Sản phẩm được đánh giá là có chất lượng cao và có nhiều cơ hội xuất khẩu.	Giá cả tăng cao trong 5 năm qua, trong huyện có nhiều thương lái lớn và nhiều thương lái từ miền Bắc vào thu mua để xuất khẩu sang Trung Quốc.	Chi phí đầu tư trung bình từ 22 triệu đồng/ha phù hợp với tài chính của nông dân, được hỗ trợ kỹ thuật có sẵn từ cán bộ trung tâm khuyến nông huyện.
Cây mắc ca	2	Có thể chế biến thành dầu mắc ca và bột mắc ca đã khử chất béo, phụ phẩm có thể dùng làm phân bón hữu cơ	Giá cả ổn định, có nhiều thương lái, có sẵn cơ sở chế biến trên địa bàn huyện	Chi phí đầu tư từ 21 triệu đồng/ha, người dân địa phương có kinh nghiệm và kỹ năng quản lý, chế biến
Cây đậu đen	2	Có vai trò lớn trong việc cải thiện độ phì của đất trước khi tái canh cà phê, có tể xen canh vào vườn ca cao trong giai đoạn mới trồng Hạt có thể chế biến thành trà đậu đen	2 đại lý lớn trong huyện, giá cả ổn định	Chi phí đầu tư thấp
Cây gừng sẻ	1	Có thể chế biến thành trà gừng, tinh dầu gừng	Có nhiều tác nhân thu mua tại địa phương, giá cả ổn định, nhu cầu thị trường cao	Chi phí đầu tư thấp
Cây chùm ngây	0	Hàm lượng dinh dưỡng, cơ hội chế biến, đa dạng hóa sản phẩm, có thể chế biến thành bột lá chùm ngây	Nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu cao, giá cả ổn định, năng suất sản phẩm cao	Chi phí đầu tư thấp
Cây hông	0	Dùng cho chế biến gỗ và xuất khẩu đồ nội thất	Có thương lái trong xã, giá gỗ hông trên thị trường là 40 triệu đồng/m^3	Chi phí đầu tư thấp, một số nông dân đã được đào tạo kỹ thuật trồng cây hông

3.2.2 Lựa chọn sản phẩm tiềm năng tại huyện Cát Tiên

Sầu riêng và nghệ đen (Curcuma zedoaria) có số phiếu lựa chọn cao hơn với các sản phẩm khác trên địa bàn huyện Cát Tiên. Bốn trong số mười lăm người được phỏng vấn đã chọn sầu riêng là cây trồng phù hợp nhất với thị trường tiềm năng cao vì những lý do sau. Thứ nhất, sản phẩm sầu riêng có kênh thị trường đa dạng bao gồm mạng lưới thương lái địa phương và nhà bán buôn tại thành phố Hồ Chí Minh, đây là nhân tố thu gom và xuất khẩu sản phẩm sang các nước khác. Thứ hai, giá bán sầu riêng ổn định và có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây, đặc biệt khi chính quyền địa phương xây dựng mã số vùng trồng sầu riêng để xuất khẩu sang Trung Quốc. Thứ ba, chi phí sản xuất sầu riêng ban đầu tương đối thấp, khoảng 17 triệu đồng/ha đối với hệ thống trồng xen. Tuy nhiên, việc trồng sầu riêng có thể phải đối mặt với những thách thức và rủi ro. Sự phát triển nhanh chóng của sầu riêng có thể dẫn đến tình trạng cung lớn hơn cầu, có khả năng gây biến động giá và bất ổn thị trường. Ngoài ra, mô hình này đòi hỏi nhiều công lao động, đặc biệt là trong mùa khô và năng suất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt. Vì những lý do này, sầu riêng chưa được lựa chọn là sản phẩm tiềm năng và được thay thế bằng cây sả.

Mặc dù diện tích trồng sả ở Cát Tiên còn nhỏ và manh mún (khoảng 1 ha), giống sả được trồng phổ biến tại đây là *Cymbopogon flexuosus* và *Cymbopogon citratus,* có tiềm năng thị trường vì các đơn vị như Pibo Lavender Farm ở thành phố Đà Lạt có nhu cầu mua sản phẩm này để chế biến tinh dầu. Hơn nữa, cây sả phát triển tốt ở điều kiện của vùng Cát Tiên và còn góp phần giảm thiểu xói mòn đất hiệu quả trên địa hình dốc, và cải thiện độ phì nhiêu của đất. Do đó, sả được khuyến khích trồng xen trong các vườn ca cao.

Tương tự, nghệ đen được 3 người được phỏng vấn lựa chọn, nhiều hơn các loại cây ăn quả và hoa màu khác. Mặc dù nghệ đen chưa được trồng rộng rãi nhưng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện và Trung tâm khuyến nông huyện đã thông tin cho nông dân về tiềm năng thị trường của loại sản phẩm này. Nghệ đen có nhiều lợi thế do có sẵn các thương lái lớn trên địa bàn huyện và thành phố Đà Lạt. Hơn nữa, sản phẩm có thể được đa dạng hóa thông qua chế biến mứt và làm dược liệu với giá bán cao và ổn định. Ngoài ra, việc trồng nghệ đen trong các vườn ca cao không đòi hỏi mức độ đầu tư cao về chi phí.

Bảng 4: Đánh giá lựa chọn sản phẩm tiềm năng từ các mô hình có thể trồng xen trong vườn ca cao tại huyện Cát Tiên

Các mô hình được đề xuất	**Số người lựa chọn mô hình**	**Mô tả tiêu chí**		
		Khả năng đổi mới	**Khả năng vượt qua biến động của thị trường**	**Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ**
Quả sầu riêng	4	Kênh thị trường đa dạng	Giá cả ổn định, có nhiều thương lái thu mua sản phẩm, có hợp tác xã kinh doanh hoa quả trên địa bàn xã.	Chi phí đầu tư 17 triệu đồng/ha đối với trồng xen. Tuy nhiên, việc trồng sầu riêng đòi hỏi nhiều công lao động, đặc biệt là vào mùa

Các mô hình được đề xuất	Số người lựa chọn mô hình	Mô tả tiêu chí		
		Khả năng đổi mới	**Khả năng vượt qua biến động của thị trường**	**Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ**
				khô. Diện tích sầu riêng tăng nhanh đi kèm với nguy cơ dịch bệnh.
Nghệ đen (Curcuma zedoaria)	3	Có thể đa dạng hóa sản phẩm thông qua chế biến mứt và dược liệu. Cây nghệ đen có tác dụng nâng cao độ phì nhiêu cho đất trồng ca cao.	Năng suất sản phẩm cao, giá tăng và ổn định trong 3 năm qua, sẵn có các kênh thị trường trên địa bàn huyện.	Một số mô hình thí điểm đã được thành lập với mức đầu tư thấp.
Cây bơ	2	Kênh thị trường đa dạng	Giá cả ổn định, lượng tiêu thụ sản phẩm lớn	Nông dân có đủ khả năng chi trả chi phí sản xuất và có kinh nghiệm trồng loại cây này.
Cây điều	2	Kênh thị trường đa dạng, các công ty chế biến trên địa bàn huyện	Khối lượng tiêu thụ sản phẩm lớn	Nông dân có hơn 20 năm kinh nghiệm trồng loại cây này cũng như kỹ năng chế biến.
Chè dây	2	Đa dạng hóa sản phẩm dùng làm dược liệu và thức uống	Năng suất sản phẩm cao, giá tăng và ổn định trong 3 năm qua, kênh thị trường ổn định tại huyện	Hỗ trợ của Chính phủ cho các mô hình thí điểm theo đề án phát triển dược liệu tỉnh Lâm Đồng
Cây sả	1	Đa dạng hóa sản phẩm dùng làm dược liệu	Năng suất sản phẩm cao, giá tăng và ổn định trong 3 năm qua, kênh thị trường ổn định tại huyện	Hỗ trợ của Chính phủ cho các mô hình thí điểm theo đề án phát triển dược liệu tỉnh Lâm Đồng
Cây tiêu	1	Sản phẩm đã có thương hiệu	Giá cả ổn định, lượng tiêu thụ sản phẩm lớn	Phù hợp với khả năng tài chính của nông hộ
Cây đinh lăng	0	Đa dạng hóa sản phẩm dùng làm dược liệu	Năng suất sản phẩm cao, giá tăng và ổn định trong 3 năm qua, kênh thị	Hỗ trợ của Chính phủ cho các mô hình thí điểm theo đề án phát triển dược liệu tỉnh Lâm Đồng

Các mô hình được đề xuất	Số người lựa chọn mô hình	Mô tả tiêu chí		
		Khả năng đổi mới	Khả năng vượt qua biến động của thị trường	Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ
			trường ổn định trên địa bàn huyện	

3.2.3 Lựa chọn sản phẩm tiềm năng tại huyện Đạ Tẻh

Trong 8 sản phẩm tiềm năng của huyện Đạ Tẻh, sầu riêng và trà hoa vàng được hầu hết người được phỏng vấn lựa chọn so với các sản phẩm khác, trong đó có 05 người được phỏng vấn đã chọn sầu riêng và 03 người chọn trà hoa vàng. Trà hoa vàng mang lại cơ hội thị trường tốt hơn so với cây tiêu và cây bưởi.

Trà hoa vàng lần đầu tiên được Hội Nông dân Đà Lạt trồng xen tại các trang trại cà phê vào năm 2013 nhằm mục đích tăng thu nhập hộ gia đình và cải tạo độ phì của đất. Do loại cây này có thể chế biến thành trà túi lọc, trà trà hoa vàng khô và bột trà matcha và nhu cầu thị trường về các sản phẩm này rất cao nên trà hoa vàng đã được nhân rộng ra các huyện khác trong tỉnh Lâm Đồng như Đạ Huoai, Di Linh, Lạc Dương, Đạ Tẻh. Bên cạnh đó, Uỷ ban nhân dân huyện Đạ Tẻh đã có kế hoạch phát triển liên kết thị trường cho sản phẩm này thông qua chế biến trà và cung cấp cho các công ty trà thảo dược trên địa bàn huyện và thành phố Đà Lạt. Nhờ đó, giá bán sản phẩm có thể đạt được cao hơn sau khi được chế biến thành trà. Trung bình mỗi cây trà hoa vàng cho từ 1-2 kg hoa tươi mỗi năm, với mức giá bán tương đương khoảng 1 triệu đồng/ kg. Quy trình trồng cây trà hoa vàng không quá khó, chủ yếu trồng dưới những cây có tán rộng, phát quang xung quanh gốc cây và bón phân hữu cơ. Cây trà hoa vàng thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên địa phương tại huyện Đạ Tẻh. Tuy nhiên, việc kết hợp trà hoa vàng làm cây trồng xen trong mô hình nông lâm kết hợp ca cao có những thách thức nhất định và đòi hỏi phải lập kế hoạch và xem xét cẩn thận các nhu cầu riêng của từng loài như đặc tính đất, ánh sáng và chất dinh dưỡng cũng như các tương tác tiềm năng với các cây trồng khác trong hệ thống nông lâm kết hợp của cây ca cao. Mặc dù có tiềm năng hấp dẫn, nhưng trà hoa vàng đòi hỏi năng lực kỹ thuật cao để đạt được kết quả canh tác tốt và cần tuân thủ quy trình chế biến sau thu hoạch nghiêm ngặt. Một trong những thách thức trong chế biến trà hoa vàng là kỹ thuật sấy lạnh để giữ được chất lượng cao của hoa, đây là kỹ thuật còn mới đối với nông dân địa phương. Để đảm bảo trồng trà hoa vàng thành công, nên tham vấn với bên thu mua, bên chế biến và cán bộ khuyến nông để xác định các thực hành phù hợp nhất với điều kiện địa phương.

Mặc dù rau diếp cá là loại thực phẩm có nhu cầu trên thị trường thông qua việc chế biến thành bột diếp cá làm thức uống, vấn đề này chưa được tìm hiểu và nhận biết rõ ràng nên sản phẩm chưa được nhiều người lựa chọn. Trên thực tế, có 3 công ty lớn là Thực phẩm dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Dalat Farm, Đà Lạt ICHIFOODS thu mua khoảng 50 tấn rau diếp cá mỗi năm để chế biến bột diếp cá. Hơn nữa, loại cây trồng này phù hợp với điều kiện địa phương, đặc biệt là dưới tán cây ăn quả hoặc cây công nghiệp. Tổng chi phí cho 500m^2 diếp

cá là khoảng 2 triệu đồng, năng suất đạt 0,25 tấn/500m^2 . Giá diếp cá đã tăng trong 3 năm qua từ 30.000 đồng/kg lên 50.000 đồng/kg, điều này khẳng định tiềm năng của sản phẩm này khi trồng trong các vườn ca cao.

Bảng 5: Đánh giá lựa chọn mô hình tiềm năng để kết hợp trong vườn ca cao tại huyện Đạ Tẻh

Các mô hình được đề xuất	**Số người lựa chọn mô hình**	**Mô tả tiêu chí**		
		Khả năng đổi mới	**Khả năng vượt qua biến động của thị trường**	**Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ**
Cây sầu riêng	5	Kênh thị trường đa dạng	Giá cả ổn định, nhiều thương lái, có hợp tác xã kinh doanh cây ăn quả	Chi phí đầu tư ước tính 17 triệu/ ha đối với cây trồng xen. Tuy nhiên người dân chưa nắm rõ quy trình phòng trừ sâu bệnh trong trường hợp phát triển ồ ạt cây sầu riêng.
Cây trà hoa vàng	3	Có thể chế biến thành trà và các loại dược liệu khác	Năng suất sản phẩm cao, khả năng bán được giá cao, có cơ sở chế biến ở huyện lân cận Đa Huoai	Chính phủ hỗ trợ phát triển cây dược liệu, người dân có kinh nghiệm canh tác
Cây bưởi	2	Kênh thị trường đa dạng	Giá cả ổn định, nhiều thương lái, có hợp tác xã kinh doanh trái cây tại xã	Phù hợp với khả năng tài chính, nông dân có kinh nghiệm phòng trừ sâu bệnh
Cây diếp cá	1	Nhu cầu thị trường lớn đối với bột diếp cá, rau diếp cá dùng cho bữa ăn, và thức uống trị bệnh	Năng suất sản phẩm cao, kênh thị trường ổn định tại huyện	Chi phí đầu tư thấp
Cây tiêu	0	Thị trường tiêu thụ đang dạng, sản phẩm có thương hiệu	Giá cả ổn định, lượng tiêu thụ sản phẩm lớn	Nông dân có khả năng tài chính và kinh nghiệm để đầu tư vào hoạt động sản xuất này. Tuy nhiên, nông hộ còn thiếu kinh nghiệm trong việc phòng trừ dịch bệnh trên cây tiêu.

Các mô hình được đề xuất	Số người lựa chọn mô hình	Mô tả tiêu chí		
		Khả năng đổi mới	Khả năng vượt qua biến động của thị trường	Khả năng đầu tư về lao động và tài chính của nông hộ
Cây quýt	0	Kênh thị trường đa dạng, có công ty chế biến trên địa bàn huyện	Khối lượng tiêu thụ sản phẩm cao	Chi phí đầu tư phù hợp với khả năng tài chính của nông hộ
Cây dứa	0	Có thể chế biến làm mứt, nước ép, trái cây	Giá ổn định, mạng lưới thương nhân mạnh	Chi phí đầu tư thấp
Cây ớt	0	Có thể bán ớt tươi cho khách hàng tại thị trường địa phương, phần còn lại cung cấp cho Công ty thực phẩm để sản xuất tương ớt.	Năng suất sản phẩm cao, giá ổn định	Chi phí đầu tư thấp

3.3 Phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm được lựa chọn

3.3.1 Chuỗi giá trị chanh dây và mãng cầu xiêm tại huyện Ea Kar

Chuỗi giá trị chanh dây

Việc lồng ghép chanh dây vào các vườn ca cao có thể coi là giải pháp hữu hiệu, đáp ứng được mục tiêu ổn định diện tích cacao tại địa phương và tăng thu nhập cho các hộ gia đình. Tuy nhiên, việc trồng chanh dây trong vườn ca cao chỉ nên được thực hiện trong 2-3 năm đầu, khi cây ca cao chưa khép tán.

Huyện Ea Kar là một trong 15 huyện của tỉnh Đăk Lăk, nằm ở độ cao trung bình 800-1.200m so với mực nước biển, đất có độ pH từ 5,5 – 6,0 nên vùng này thích hợp cho việc trồng cây chanh dây. Cây chanh dây có tác dụng làm cây che bóng tạm thời, chắn gió, giữ ẩm cho cây ca cao lúc mới trồng, hạn chế bốc hơi nước trong mùa khô, tạo môi trường sinh thái ổn định, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, chanh dây còn có tiềm năng phát triển thị trường rất lớn, từ đó tạo thu nhập ổn định cho người trồng ca cao. Toàn huyện Ea Kar có khoảng 20 ha chanh dây, trong đó bình quân diện tích mỗi xã khoảng 2 ha, trồng xen canh đạt năng suất 1 tấn/ha. Hầu hết các hộ dân ở huyện Ea Kar trồng 400 cây chanh dây/ha, trồng xen với cây cà phê, ca cao với mật độ 5m x 5m.

Hiện tại, quy mô tiêu thụ chanh dây tại huyện Ea Kar khá nhỏ. Sau khi thu hoạch, 75% chanh dây được nông dân cung cấp trực tiếp cho thương lái trong huyện với giá 5.000 đồng/kg. Trong đó, 35% được bán tại chợ huyện hoặc các quán cà phê trên địa bàn huyện, 40% còn lại cung cấp cho các thương lái lớn ở thành phố Buôn Mê Thuột. Khoảng 25% sản phẩm được bán cho người bán buôn tại chợ Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột với giá bán khoảng 7.000 đồng/kg (chưa bao gồm chi phí vận chuyển).

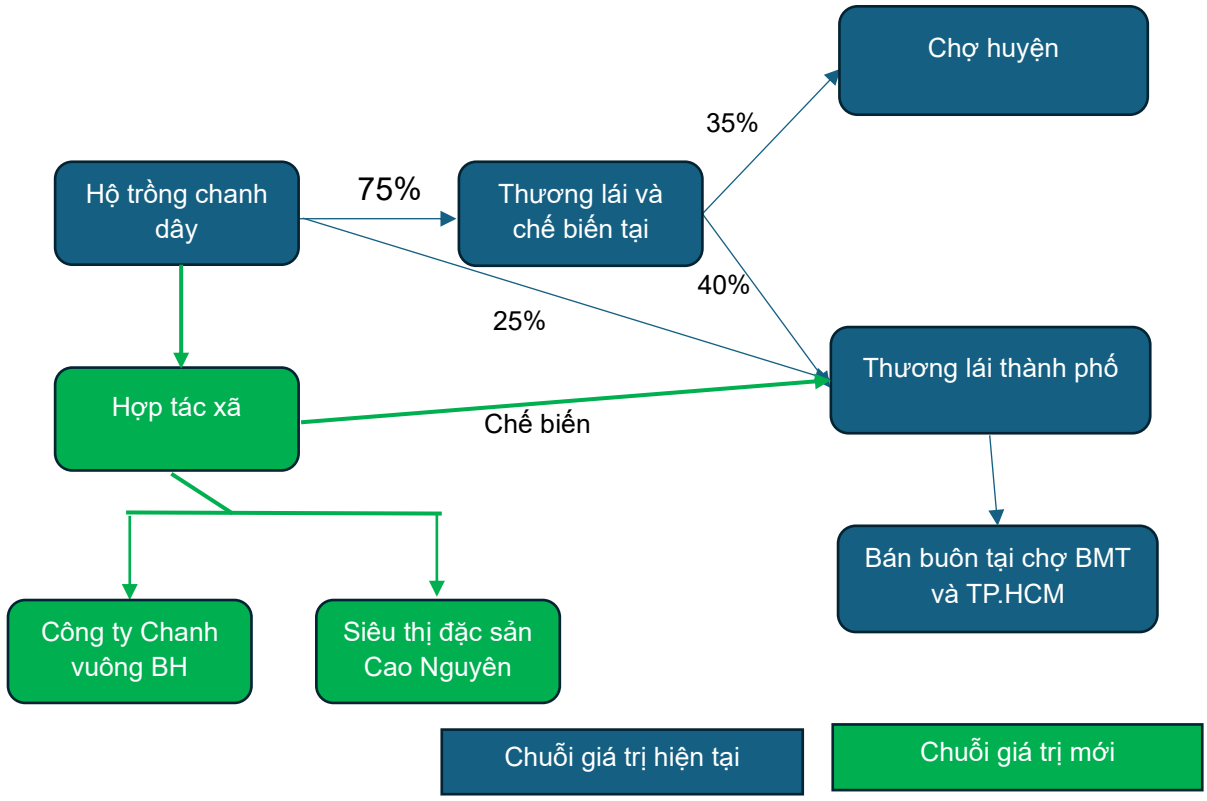

Hình 2: Hiện trạng chuỗi giá trị chanh dây và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Ea Kar

Nghiên cứu đã xác định được cơ hội kinh doanh chanh dây trên địa bàn huyện Ea Kar. Cụ thể có hai công ty thu mua khoảng 100 tấn chanh dây mỗi năm để làm mứt và chế biến siro là công ty Chanh Vuông BH tại huyện Cư M'gar và Siêu thị đặc sản Cao Nguyên Xanh tại thành phố Buôn Ma Thuột. Giá thu mua chanh dây tại các công ty này là 10.000 đồng/kg. Tuy nhiên, nông dân trồng chanh dây và thương lái ở huyện Ea Kar vẫn chưa tiếp cận được các công ty này do thiếu thông tin. Ngoài các công ty, hợp tác xã trên địa bàn huyện cũng có thể tự chế biến và cung cấp cho các quán cà phê hoặc siêu thị trên địa bàn huyện và thành phố.

Chuỗi giá trị mãng cầu xiêm

Những năm gần đây, trồng mãng cầu xiêm được nhiều nông dân ưu tiên trong việc chuyển đổi, thay thế các loại cây trồng kém hiệu quả. Việc trồng xen loại cây này trong vườn ca cao không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng ca cao độc canh mà còn có tác dụng che nắng, hạn chế bốc hơi nước, từ đó giúp giảm lượng nước và tần suất tưới nước

cho cây ca cao, đặc biệt vào mùa khô. Ngoài ra, việc trồng xen mãng cầu xiêm trong nông lâm kết hợp ca cao mang lại lợi ích sinh thái hơn so với các loại cây trồng khác vì loại cây này cung cấp cấp môi trường sống tự nhiên cho kiến vàng là thiên địch của bọ xít muỗi gây hại cho cây ca cao. Điều này làm giảm nhu cầu sử dụng thuốc trừ sâu, thúc đẩy hoạt động nông nghiệp bền vững hơn. Thứ hai, đa dạng hóa cây trồng trên cùng một diện tích đất là một trong những giải pháp ít tốn kém, mang lại lợi nhuận cao hơn và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu.

Huyện Ea Kar có khoảng 3.247 ha cây ăn quả, trong đó cam, quýt, bưởi tập trung ở các xã Cư Elang, Ea Ô, Cư Prông và Ea Păl; vải thiều ở các xã Ea Sar, Ea Sô, Ea Tih; các xã còn lại có mãng cầu xiêm với tổng diện tích bình quân mỗi xã là 3,5 ha. Trước năm 2015, độc canh là phương pháp phổ biến được áp dụng trong trồng mãng cầu xiêm. Tuy nhiên, do năng suất và giá cả thấp nên nông dân đã chuyển từ trồng mãng cầu xiêm sang trồng cà phê hoặc sầu riêng. Diện tích trồng mãng cầu xiêm nay được trồng xen trong các vườn cà phê hoặc ca cao. Năng suất mãng cầu xiêm trung bình khoảng 25 tấn/ha, trong đó một cây mãng cầu xiêm 6 năm tuổi có thể cho 90 - 110 kg quả/năm. Chuỗi giá trị mãng cầu xiêm ở huyện Ea Kar hiện nay được thể hiện ở hình 3 dưới đây.

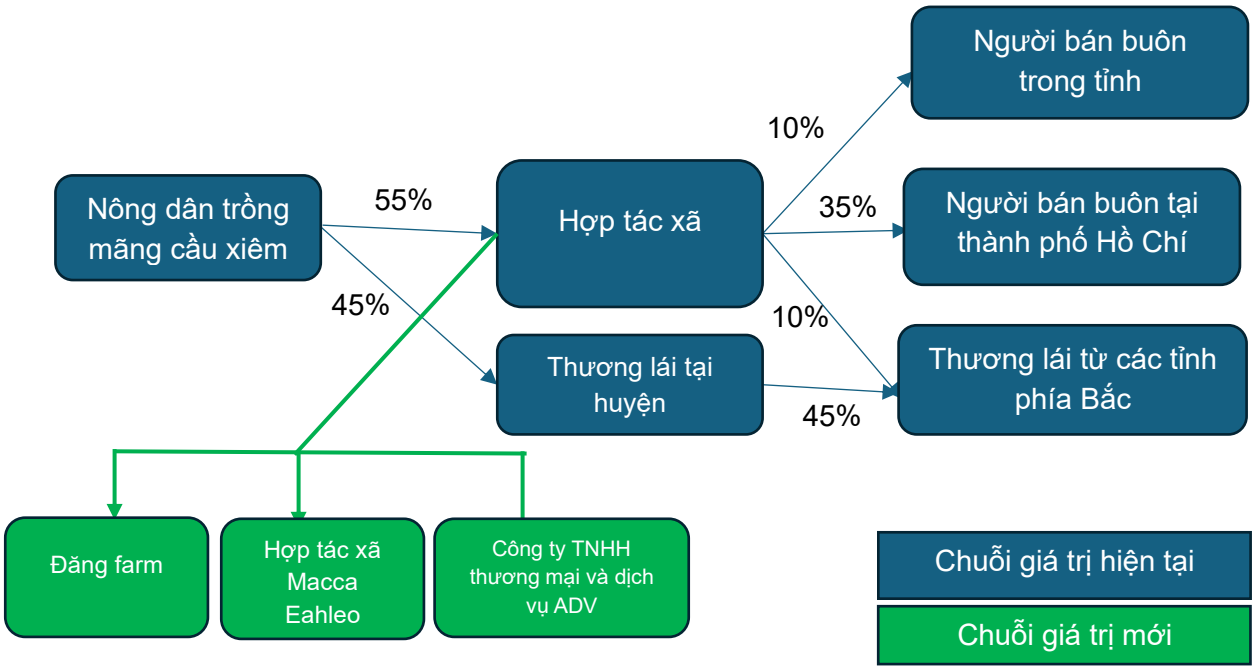

Hình 3: Hiện trạng chuỗi giá trị mãng cầu xiêm và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Ea Kar

Chuỗi giá trị mãng cầu xiêm ở huyện Ea Kar khá đa dạng. Hiện nay sản phẩm đã được mở rộng cung cấp cho các thương lái tại các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu chỉ ra rằng hơn một nửa sản lượng mãng cầu xiêm đã được cung cấp cho hợp tác xã Dịch vụ Thương mại và Nông nghiệp Lâm Tiến (xã Ea Kmút), hợp tác xã Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Trường Xuân (xã Ea Tih) và hợp tác xã Nông nghiệp Hợp Nhất (xã Ea O). 45% sản lượng mãng cầu còn lại được bán trực tiếp cho thương lái trong huyện.

Sau khi thu mua mãng cầu xiêm từ nông dân, các hợp tác xã cung cấp 35% sản phẩm cho thương lái ở thành phố Hồ Chí Minh và 20% còn lại bán cho các cửa hàng ở Buôn Mê Thuột và thương lái ở các tỉnh phía Bắc. Ngoài ra, còn có 4 thương lái thu mua mãng cầu xiêm từ nông dân rồi cung cấp lại cho thương lái phía Bắc.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các cơ hội khác để đa dạng hóa sản phẩm từ cây mãng cầu xiêm như dùng lá để làm trà, làm mứt và làm mãng cầu sấy khô. Tuy nhiên, tiềm năng này chưa được nông dân trồng mãng cầu trong huyện tiếp cận vì hai lý do. Thứ nhất, nghiên cứu cho thấy nông dân trồng mãng cầu xiêm và các hợp tác xã thiếu khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến các sản phẩm chế biến từ mãng cầu xiêm. Thứ hai, quy mô sản xuất trên địa bàn huyện còn nhỏ nên chưa đáp ứng được yêu cầu của các công ty chế biến sản phẩm từ mãng cầu xiêm.

Tuy nhiên, nhu cầu của thị trường cho loại sản phẩm này khá lớn. Cụ thể, cơ sở Đăng farm (huyện Cư M'gar), nơi sản xuất trà từ lá và quả mãng cầu xiêm, mỗi năm thu mua tới 90 tấn mãng cầu xiêm với giá 15.000 đồng/kg. Hợp tác xã Macca Eahleo tại thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea Hleo và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ADV, thành phố Buôn Ma Thuột, hàng năm thu mua 150 tấn mãng cầu xiêm với giá khoảng 13.000 đồng/kg từ các huyện tại tỉnh Đăk Lăk để sản xuất mứt và mãng cầu sấy khô. Hơn nữa, đa dạng hóa sản phẩm từ cây ăn quả là một trong những chính sách của tỉnh Đắk Lắk và huyện Ea Kar theo chương trình OCOP và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP nhằm khuyến khích liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp để nâng cao giá trị sản phẩm.

3.3.2 Chuỗi giá trị nghệ đen (Curcuma zedoaria) và sả tại huyện Cát Tiên

Nghệ đen

Nghệ đen (Curcuma zedoaria) là loại cây thân thảo, cao tới 1,5m, thường mọc hoang ở nhiều nơi như bờ suối, ruộng hoang và triền vùng núi. Củ nghệ đen có hình trụ, dài 2-5cm, đường kính 1-3cm. Trong y học cổ truyền, nghệ đen được dùng chữa bệnh thiếu máu, chán ăn, đường ruột mãn tính và loét dạ dày, tăng cường nội tiết và hệ tiêu hóa. Trong những năm gần đây, việc trồng xen nghệ đen trong các vườn cà phê hoặc ca cao ngày càng phổ biến do cây dược liệu cải thiện chất dinh dưỡng cho đất, từ đó thúc đẩy sinh trưởng và phát triển của cây cà phê hoặc ca cao. Bên cạnh đó, việc trồng xen nghệ đen trong các vườn ca cao cũng mang lại hiệu quả kinh tế cho các hộ nông dân.

Tại huyện Cát Tiên hiện nay chưa có số liệu thống kê chính thống về diện tích nghệ đen cũng như các nghiên cứu liên quan về loại cây thuốc này. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn những người am hiểu cho phép ước tính diện tích nghệ đen khoảng 1 ha của 25 hộ, chủ yếu trồng quanh hàng rào các vườn cà phê. Do điều kiện tự nhiên thuận lợi nên năng suất nghệ đen khá cao, đạt 39 tấn/ha. Hiện nông dân có trồng nghệ đen cung cấp khoảng 80% sản phẩm cho thương lái xã với giá 30.000 đồng/kg, trong khi 20% khối lượng sản phẩm còn lại được cung cấp trực tiếp cho người thu gom tại huyện để chế biến thành bột. Những thương lái tại

xã cung cấp 15% lượng nghệ đen cho khách hàng tại chợ trong xã và huyện để làm thuốc, trong khi 65% sản phẩm bán cho các nhà hàng và người tiêu dùng khác ở thành phố Đà Lạt.

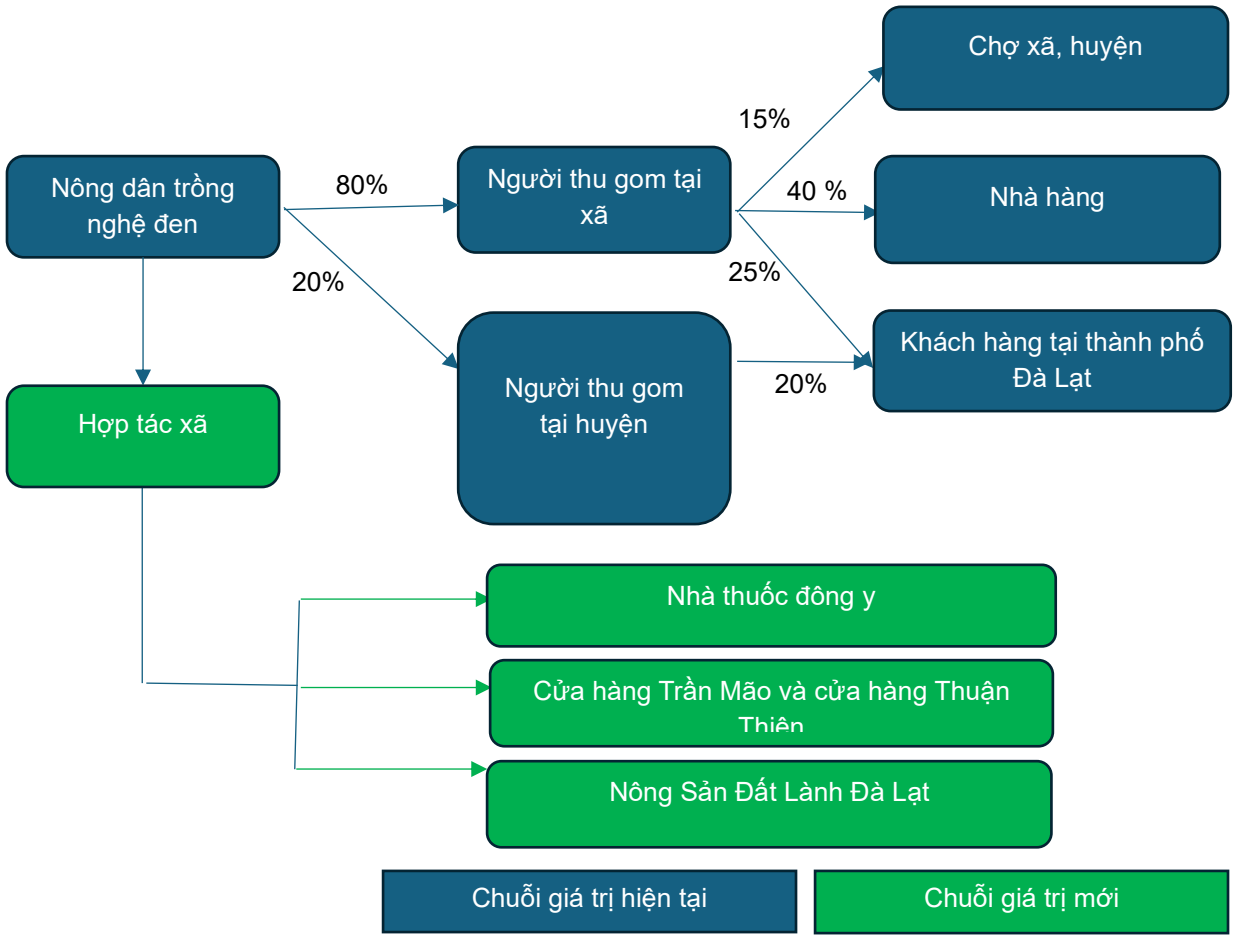

Hình 4: Hiện trạng chuỗi giá trị nghệ đen và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Cát Tiên

Nghiên cứu cũng cho thấy có nhiều kênh thị trường khác nhau có thể mang lại lợi nhuận kinh tế cao hơn từ việc kinh doanh nghệ đen. Tuy nhiên, nông dân địa phương chưa tiếp cận đầy đủ những cơ hội này. Trên thực tế, các hộ gia đình hoặc hợp tác xã có thể thu hoạch nghệ đen về chế biến thành bột rồi cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc nhà thuốc đông y trên địa bàn huyện với giá 150.000 đồng/kg. Hơn nữa, nông dân trồng ca cao hoặc các hợp tác xã có thể cung cấp nghệ đen tươi cho cửa hàng Trần Mão tại phường 8, thành phố Đà Lạt và Công ty Thuận Thiên tại phường 2, thành phố Bảo Lộc. Các đơn vị này thu mua hơn 100 tấn nghệ đen tươi để làm bột với giá 40.000 đồng/kg. Công ty TNHH Nông Sản Đất Lành Đà Lạt ở thành phố Đà Lạt cũng thu mua bột nghệ đen để chế biến thành hỗn hợp bột nghệ đen và mật ong. Các kênh thị trường thay thế này sẽ làm tăng giá trị của nghệ đen và từ đó tạo điều kiện để tăng thu nhập hộ gia đình.

Sả

Hiện nay quy mô tiêu thụ sản phẩm sả trên địa bàn huyện Cát Tiên còn khá nhỏ, nông dân chủ yếu bán sản phẩm cho người bán lẻ tại các chợ địa phương. Khoảng 65% sản phẩm sau đó được bán cho người tiêu dùng địa phương, phần còn lại được bán cho các nhà hàng ở thị trấn Phước Cát. Các giống sả trồng phổ biến là *Cymbopogon flexuosus* hay *cymbopogon citratus*. Thời gian trồng sả tương đối ngắn, cho thu hoạch lần đầu sau chỉ mất khoảng bốn tháng. Sau khoảng 40-50 ngày cây sẽ mọc lại ở lần cắt thứ hai. Cây sả có khả năng chịu hạn, đòi hỏi ít nước, phân bón và công chăm sóc. Năng suất bình quân của cây sả là 3 tấn/1 ha/năm với giá bán bình quân 5.000 đồng/kg. Nếu nông dân địa phương liên kết được với hợp tác xã chế biến tinh dầu thì giá bán có thể lên tới 6.000 - 7.000 đồng/kg.

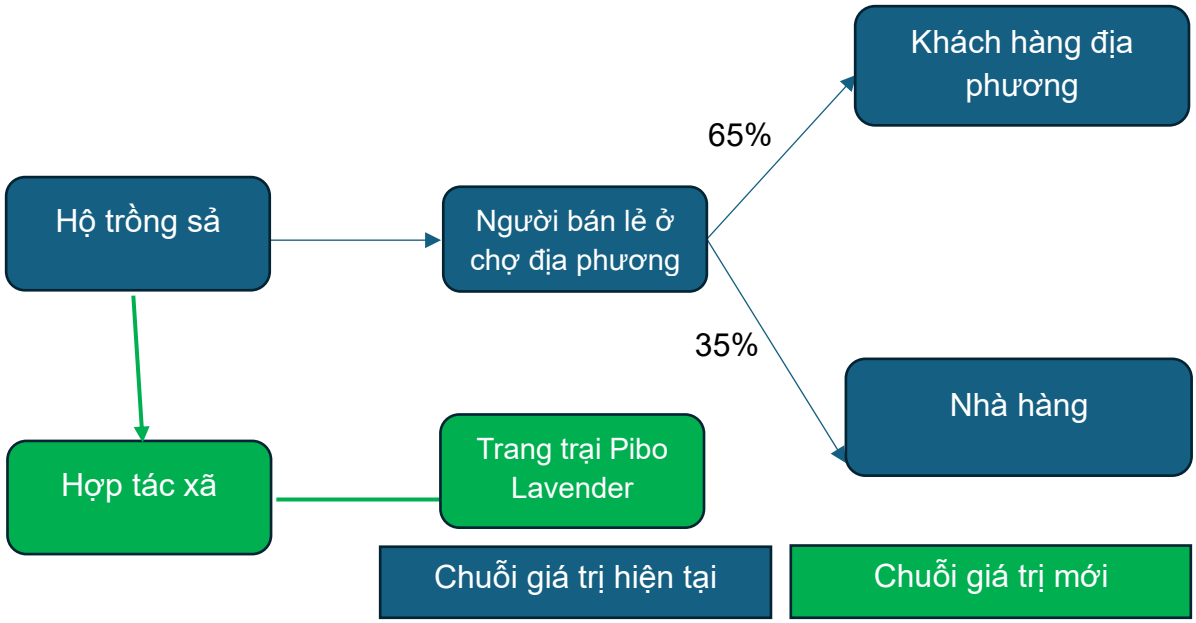

Hình 5: Hiện trạng chuỗi giá trị cây sả và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Cát Tiên

3.3.3 Chuỗi giá trị trà hoa vàng và diếp cá ở huyện Đạ Tẻh

Trà hoa vàng

Hợp tác xã Phương Nam Đạ Huoai là đơn vị chính thu mua trà hoa vàng từ các hợp tác xã và nông dân khác để sản xuất trà. Trà hoa vàng lần đầu tiên được Hội Nông dân Đà Lạt trồng xen tại các trang trại cà phê vào năm 2013 nhằm mục đích tăng thu nhập hộ gia đình và cải tạo độ phì của đất. Do cây thuốc này có thể chế biến thành trà hòa tan, trà hoa vàng sấy lạnh và bột trà trà hoa vàng matcha và nhu cầu thị trường cao đối với các sản phẩm này nên trà hoa vàng đã được nhân rộng ra các huyện khác trong tỉnh Lâm Đồng như Đạ Huoai, Di Linh, Lạc Dương và Đạ Tẻh. Mặc dù điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển trà hoa vàng nhưng tổng diện tích trồng trà vẫn còn ở quy mô nhỏ, khoảng 1.700 cây (khoảng 2,5 ha) của 56 hộ gia đình. Nguyên nhân là do từ khi trồng đến khi thu hoạch hoa lần đầu tiên phải mất từ 4 đến 5 năm, trong khi cơ hội thị trường vẫn chưa được khai phá. Vì lý do này, nông dân trong

huyện chưa mặn mà với loại hình sản xuất này. Trà hoa vàng đã được thí điểm thành công để trồng xen tại các trang trại cà phê vào năm 2015 tại thành phố Đà Lạt và các mô hình thí điểm khác ở Đạ Huoai vào năm 2023. Loại cây này sinh trưởng tốt ở trang trại cà phê và còn có vai trò che mát cho cây cà phê, ca cao non cũng như cải thiện độ phì của đất canh tác. Tổng sản lượng sản phẩm trên địa bàn huyện Đạ Tẻh đạt chỉ khoảng 1 tấn trà hoa vàng tươi. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng cũng có kế hoạch phát triển và chế biến rộng rãi sản phẩm trà hoa vàng làm dược liệu đặc sản, trong đó diện tích trà hoa vàng dự kiến tăng thêm 33,2 ha trên toàn tỉnh trong đó tại Đạ Tẻh và Đà Lạt là16 ha.

Chuỗi giá trị trà hoa vàng ở huyện Đạ Tẻh khá đa dạng, nông dân bán 50% tổng sản lượng cho người sản xuất trà với giá 300.000 đồng/kg, 30% bán cho thương lái tại huyện và 20% còn lại cho các công ty chế biến trà với mức giá 250.000 đồng/kg. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có kế hoạch tổng thể nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho nông dân trồng trà hoa vàng bằng cách tăng cường liên kết kinh doanh với Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đa Huoai để mua cả trà hoa vàng tươi và khô. Hợp tác xã này sẽ cung cấp 14.000 cây giống trà hoa vàng cho 12 hộ tham gia, dự kiến đến năm 2025 sẽ tiếp cận 32 hộ liên kết với diện tích 20 ha.

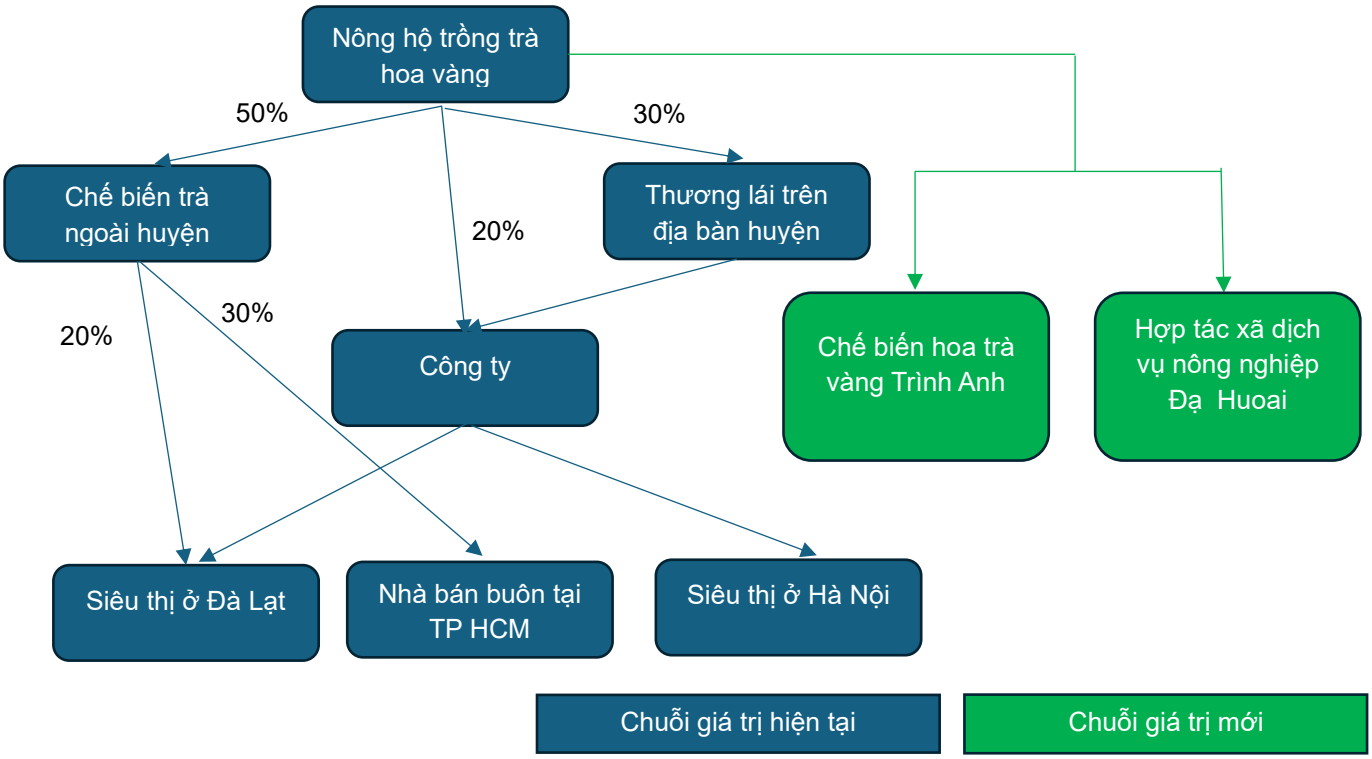

Hình 6: Hiện trạng chuỗi giá trị Trà hoa vàng và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Đạ Tẻh

Diếp cá

Cây diếp cá thích hợp với nhiều loại đất, và trồng tốt nhất trên đất ẩm, giàu chất hữu cơ và bùn. Loại cây này rất dễ trồng và không tốn nhiều chi phí lao động. Vào mùa khô cần tưới nước ngày 2 lần. Vào mùa mưa không cần tưới nước, cây phát triển nhanh và có thể thu hoạch sớm. Năng suất bình quân khi trồng sen cây diếp cá trong các vườn cà phê và ca cao là 0,5-1 tấn/ha. Giá diếp cá khá ổn định, thương lái thường thu mua với giá 10.000-17.000 đồng/kg. Cây diếp cá phát triển mạnh và có thể được thu hoạch nhiều lần trong năm nhờ vào khả năng kháng sâu bệnh và khôi phục nhanh sau khi thu hái. Bên cạnh đó, đây là loại cây giữ rễ nên chu kỳ thu hoạch kéo dài vài năm. Thương nhân địa phương thường thu mua diếp cá từ các nông hộ và sau đó cung cấp cho người bán buôn tại các chợ ở thành phố Đà Lạt, phần còn lại được bán cho người tiêu dùng địa phương. Ngoài ra, 3 công ty lớn là Thực phẩm dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Dalat Farm và Đà Lạt ICHIFOODS thu mua khoảng 50 tấn diếp cá mỗi năm với giá khoảng 30.000 đồng/kg.

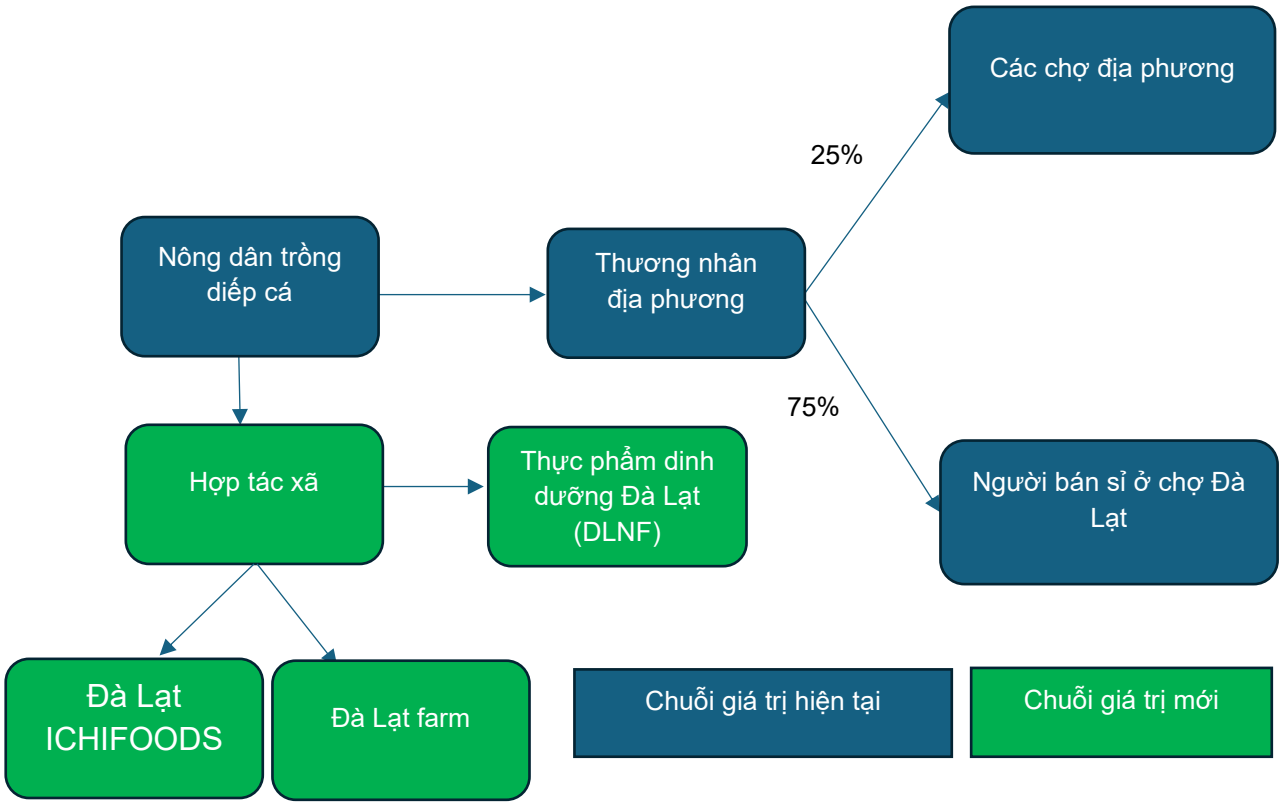

Hình 7: Hiện trạng chuỗi giá trị cây diếp cá và đề xuất phát triển kênh tiêu thụ mới tại huyện Đạ Tẻh

4. Kế hoạch tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm

4.1 Chanh dây

4.1.1 Nâng cao chất lượng chanh dây thông qua quản lý tốt dịch hại tổng hợp

Kết quả phỏng vấn người am hiểu tại các Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm khuyến nông cho thấy, thách thức lớn nhất hiện nay để tăng diện tích sản xuất chanh dây là nguy cơ sâu bệnh hại như *Bemisia tabacii, Alternaria passiflorae, Septoria passiflorae, Sclerotinia sp.* Do đó, để đảm bảo quy mô sản xuất và chất lượng của chanh dây, cần áp dụng các biện pháp sau:

- Hiện nay, Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam đã xây dựng tài liệu phòng trừ dịch bệnh trên cây chanh dây, do đó các trung tâm khuyến nông có thể sử dụng tài liệu này và biên tập thành các dạng sản phẩm như tờ rơi để phát cho các hộ trồng chanh dây.
- Lồng ghép các thông tin về quản lý côn trùng và dịch bệnh trong các cuộc họp với nông dân trồng ca cao do dự án ReCoPro tổ chức hoặc trong các cuộc họp do Trung tâm Khuyến nông và các đối tác địa phương tổ chức thực hiện.

4.1.2 Thiết lập chuỗi cung ứng chanh dây và đa dạng hóa sản phẩm từ chanh dây

Như đã đề cập ở trên (phần 3.2), kênh tiêu thụ sản phẩm chanh dây có thể được thực hiện thông qua kết nối với tác nhân thị trường mới như công ty Chanh Vuông BH và Siêu thị Đặc sản Cao Nguyên Xanh. Để thực hiện mục tiêu này, các hoạt động sau đây cần được thực hiện:

- Tổ chức các chuyến tham quan cho hộ trồng chanh dây và cán bộ địa phương đến các công ty Chanh Vuông BH và Siêu thị Đặc sản Cao Nguyên Xanh để giới thiệu sản phẩm chanh dây của huyện Ea Kar. Sản phẩm chanh dây nên được gửi đến các công ty này để kiểm tra và thử nghiệm chế biến các sản phẩm từ chanh dây. Bên cạnh đó, cần tổ chức các cuộc họp giữa các công ty, hợp tác xã và hộ trồng chanh dây để thảo luận về giá cả, sản lượng và để thống nhất kế hoạch mua và bán sản phẩm.
- Bên cạnh đó, hợp tác xã cần xây dựng kế hoạch thu hái chanh dây của nông dân, căn cứ vào tiến độ đã thống nhất giữa hợp tác xã và công ty.

Ngoài ra, các hợp tác xã có thể chế biến các sản phẩm từ chanh dây, trong đó chanh dây sấy khô là lựa chọn tốt nhất do sản phẩm có nhu cầu thị trường cao và đang được chính quyền huyện khuyến khích thực hiện trong khuôn khổ chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Để thực hiện được điều này, dự án nên hỗ trợ tiến hành các hoạt động sau:

- Tổ chức tập huấn về chế biến và quản lý chất lượng chanh dây cho các hợp tác xã, trong đó nội dung trọng tâm là chanh dây sấy khô
- Hỗ trợ hợp tác xã xin cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm cho sản phẩm chanh dây khô

- Hỗ trợ kỹ thuật, ví dụ hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án kinh doanh và đăng ký cấp chứng chỉ OCOP tại huyện.

4.1.3 Hỗ trợ hợp tác xã tham gia các sự kiện tiếp thị và thương mại điện tử

Hoạt động này nhằm giới thiệu sản phẩm chanh dây sấy khô đến các siêu thị, cửa hàng lưu niệm và người tiêu dùng tại thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện lân cận. Để thực hiện được mục tiêu này, dự án hỗ trợ cho hợp tác xã tham gia các hội chợ thương mại hàng năm như lễ hội sản phẩm đặc sản vùng, hội chợ thương mại sản phẩm OCOP, hội chợ thương mại nông sản ở các địa phương khác nhau để giới thiệu sản phẩm của mình.

Ngoài ra, nền tảng thương mại điện tử có thể mang đến cơ hội giới thiệu sản phẩm với người tiêu dùng. Dự án có thể cung cấp đào tạo về sử dụng thương mại điện tử thông qua các nền tảng thương mại điện tử quốc gia như thương mại điện tử Postmart (postmart.vn), được thành lập năm 2019 với sứ mệnh kết nối người tiêu dùng với các sản phẩm nông nghiệp. Postmart chuyên cung cấp các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao đạt tiêu chuẩn OCOP và VietGAP cũng như các đặc sản từ các vùng miền khác nhau tại Việt Nam. Ngoài ra, TikTok Shop có thể là một nền tảng thương mại điện tử khả thi để bán các sản phẩm chanh dây sấy khô. Trong những năm gần đây, Tik Tok Shop đã hợp tác với Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp để tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và hợp tác xã trong việc chuyển đổi số các hoạt động xúc tiến thương mại theo chương trình OCOP. Để khuyến khích nông dân tham gia thương mại điện tử, cần tổ chức khóa đào tạo 3 ngày cho hợp tác xã về quảng bá sản phẩm và bán hàng trên thương mại điện tử, tập trung vào việc đăng ký hệ thống thương mại điện tử, kỹ năng quảng bá sản phẩm trên cửa hàng trực tuyến và việc quản lý kinh doanh trực tuyến.

4.2 Mãng cầu xiêm

4.2.1 Nâng cao năng lực sản xuất mãng cầu xiêm trên địa bàn huyện

Tổng diện tích sản xuất mãng cầu xiêm tại huyện Ea Kar khoảng 2 ha. Vì lý do này, cần phải tăng diện tích hoặc năng suất sản xuất mãng cầu xiêm để đáp ứng nhu cầu chế biến sản phẩm mãng cầu xiêm. Để làm được điều này, Trung tâm Khuyến nông huyện cần phát triển tài liệu truyền thông về kỹ thuật sản xuất mãng cầu xiêm, lợi ích kinh tế và đóng góp của nó cho ngành nông lâm kết hợp ca cao và chia sẻ với nông dân trong các cuộc họp thôn hoặc các cuộc họp của Hội nông dân, Hội phụ nữ. Bên cạnh đó, cần cập nhật cho nông dân về cơ hội thị trường mãng cầu xiêm và chia sẻ kinh nghiệm về tiêu thụ sản phẩm mãng cầu xiêm thông qua các câu chuyện thành công. Hơn nữa, cần cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, ví dụ như về kỹ thuật ươm cây giống, thiết kế trang trại và bón phân, phòng ngừa và quản lý côn trùng và dịch bệnh cho các hộ gia đình muốn trồng xen mãng cầu xiêm trong các vườn ca cao để mở rộng diện tích của loại cây trồng này. Những hỗ trợ này có thể được thực hiện bởi cán bộ của Trung tâm Khuyến nông huyện và được dự án hỗ trợ tài chính.

4.2.2 Thiết lập các kênh thị trường mới và củng cố chuỗi cung ứng hiện có cho sản phẩm mãng cầu xiêm

Việc hình thành các kênh thị trường mới đồng thời với việc mở rộng diện tích mãng cầu xiêm để nông hộ có thể tiêu thụ sản phẩm kịp thời trong vụ thu hoạch đầu tiên. Các hợp tác xã như Hợp tác xã Nông nghiệp Xuân Phú, Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ Ea Kar, Công ty Tuấn Tâm cần hợp tác với các nhà bán buôn hoặc chế biến mãng cầu xiêm ở các huyện khác như Đặng Farm, Hợp tác xã Macca Eahleo và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ADV nhằm lập kế hoạch mua sản phẩm.

Một chiến lược khác là tổ chức các chuyến tham quan cho các nhân tố nói trên đến vùng sản xuất mãng cầu xiêm ở huyện Ea Kar khi mãng cầu xiêm sắp cho thu hoạch vụ đầu tiên. Những cuộc gặp gỡ và thăm quan này là cơ hội để các tác nhân thị trường đánh giá chất lượng và khả năng cung cấp mãng cầu xiêm từ huyện Ea Kar. Với hoạt động này, dự án có thể cung cấp chi phí đi lại cho Đặng Farm, Hợp tác xã Macca Eahleo và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ADV đến thăm vùng sản xuất mãng cầu xiêm tại huyện Ea Kar. Ngoài ra, dự án có thể tổ chức một chuyến tham quan học tập cho nông dân trồng ca cao Ea Kar đến thăm các hợp tác xã, trang trại này để họ hiểu rõ hơn về quy trình chế biến mãng cầu xiêm và tìm hiểu thêm cơ hội kinh doanh mãng cầu tốt hơn.

4.2.3 Đa dạng hóa sản phẩm bằng chế biến nguyên liệu thu hoạch tươi

Trà mãng cầu xiêm là một loại trà thảo dược được làm từ lá của cây mãng cầu xiêm. Quả và lá có chứa chất chống oxy hóa như flavonoid, phytosterol và tannin. Nhu cầu thị trường về trà mãng cầu xiêm, còn được gọi là trà Graviola, đã tăng lên trong những năm gần đây so với một số sản phẩm khác vì những lợi ích sức khỏe từ sản phẩm trà đã được công bố. Vì vậy, các hợp tác xã có thể sản xuất loại sản phẩm này hoặc cung cấp lá mãng cầu sấy khô cho 3 tác nhân thị trường là Đặng Farm, Hợp tác xã Macca Eahleo và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ ADV để chế biến trà từ lá mãng cầu khô. Bên cạnh đó, các hợp tác xã cần mua 1 máy băm lá và 1 máy sấy lá với chi phí khoảng 80 triệu đồng để chế biến nguyên liệu cung cấp cho 3 cơ sở nói trên. Các đơn vị cung cấp máy có thể tiến hành đào tạo về cách sử dụng và bảo trì máy hoặc họ có thể mời các chuyên gia tư vấn từ Đại học Tây Nguyên để đào tạo về chế biến lá mãng cầu khô cho hợp tác xã. Dự án có thể hỗ trợ tài chính cho các hợp tác xã ở huyện Ea Kar mua sắm máy móc chế biến sản phẩm từ mãng cầu xiêm và tổ chức gặp gỡ khách hàng để giới thiệu sản phẩm mãng cầu tới các tác nhân thị trường và khách hàng.

4.3 Nghệ đen

4.3.1 Cải tạo vùng sản xuất nghệ đen

Mặc dù nghệ đen có mức đầu tư thấp, kỹ thuật canh tác đơn giản nhưng mang lại giá trị kinh tế cao, diện tích trồng nghệ đen hiện nay ở huyện Cát Tiên còn rất nhỏ. Để phát triển thị trường cho sản phẩm, dự án cần hỗ trợ tài chính để mở rộng diện tích trồng nghệ đen thông qua các hoạt động sau:

- Xây dựng mô hình thí điểm 500 m^2 sản xuất nghệ đen tại các vườn ca cao trong 3 năm đầu, khi cây chưa khép tán với mật độ trồng được khuyến cáo là 50 cm x 50 cm.
- Tổ chức hội nghị đầu bờ cho nông dân trồng ca cao đến học tập mô hình canh tác khi nghệ đen đang vào mùa thu hoạch sau 9 đến 10 tháng
- Biên tập tờ rơi kỹ thuật về trồng nghệ đen cho nông dân trồng ca cao và các hộ gia đình khác
- Với các đối tác dự án địa phương, bao gồm cán bộ của phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Hội Nông dân cần tham gia hỗ trợ kỹ thuật như hướng dẫn và đào tạo về tưới nước, bón phân, cắt tỉa và chăm sóc cũng như chia sẻ thông tin về sản xuất nghệ đen cho nông dân trồng ca cao.

4.3.2 Phát triển kênh thị trường mới và đa dạng hóa sản phẩm từ nghệ đen

Như đã đề cập ở phần 3.2.3, nông dân có cơ hội cung cấp nghệ đen cho các nhà thuốc đông y và DaLavi - cửa hàng trực tuyến bán đặc sản Đà Lạt thông qua các hợp tác xã nông nghiệp Phú Gia và Phước Cát ở huyện Cát Tiên. Vì vậy, cần tổ chức các cuộc họp giữa các hợp tác xã và nông dân trồng nghệ đen để bàn phương án kinh doanh sản phẩm này. Để làm được điều này, dự án có thể tổ chức tập huấn về liên kết thị trường cho cả hợp tác xã và nông dân nhằm tăng cường năng lực phát triển kinh doanh nghệ đen.

Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn các tác nhân thị trường nhà thuốc đông y và cửa hàng DaLavi cho thấy các đơn vị này chỉ mua bột nghệ đen với giá 300.000 đồng/kg. Do đó, các hợp tác xã nên đảm nhận việc chế biến bột nghệ đen bằng cách mua sắm các thiết bị và máy móc chế biến cần thiết. Chi phí cố định và chi phí vận hành mỗi kg bột nghệ đen khoảng 180.000 VND nên hợp tác xã có thể lãi ròng 120.000 đồng/kg. Dự án cần hỗ trợ tài chính để các hợp tác xã nông nghiệp Phú Gia hoặc Phước Cát tổ chức gặp mặt khách hàng giới thiệu nghệ đen trên địa bàn huyện cũng như tham quan học tập cho nông dân tìm hiểu về chế biến nghệ đen tại Dalavi hoặc các nhà thuốc đông y.

4.4 Sả

4.4.1 Tăng diện tích sản xuất sả trên địa bàn huyện

Như đã đề cập ở trên, Cymbopogon flexuosus hay Cymbopogon citratus là các giống sả thích hợp nhất có thể dùng để sản xuất tinh dầu nên các giống sả khác đang trồng trên địa bàn huyện nếu có nên được thay thế bằng hai giống này. Do đó, dự án cần tiến hành các hoạt động sau:

- Giới thiệu giống Cymbopogon flexuosus hoặc Cymbopogon citratus cho nông dân trồng ca cao thông qua các tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật
- Tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng sả cho nông dân tập trung vào trồng giống Cymbopogon flexuosus hoặc Cymbopogon citratus
- Lựa chọn các hộ đã có Cymbopogon flexuosus hoặc Cymbopogon citratus làm vườn ươm cung cấp cây giống cho các nông dân khác

- Tổ chức khóa đào tạo về thu hoạch sả và các kỹ thuật sơ chế khác trước khi bán cho các hợp tác xã nông nghiệp Phú Gia hoặc Phước Cát, những hợp tác xã này sau đó sẽ cung cấp cho Trang trại hoa oải hương Pibo.

4.4.2 Phát triển liên kết thị trường cho sả

Do việc chế biến tinh dầu từ sả đòi hỏi sự đầu tư cao từ sản xuất đến đóng gói nên các hợp tác xã nông nghiệp Phú Gia, Phước Cát được khuyến cáo là chỉ cung cấp sả tươi cho Pibo Lavender Farm thay vì chế biến dầu tại cơ sở của mình. Dự án nên hỗ trợ các hợp tác xã này bằng cách tổ chức gặp gỡ nông dân, hợp tác xã và Pibo Lavender Farm để lên kế hoạch thu hái sả.

Bên cạnh đó, dự án nên mời đại diện Pibo Lavender Farm đến tham quan trang trại trồng sả để đánh giá chất lượng cây sả dùng để sản xuất tinh dầu. Ngoài ra, cần tổ chức nhiều cuộc họp giữa các hợp tác xã nông nghiệp Phú Gia, Phước Cát với và Pibo Lavender Farm để bàn phương án cung cấp sả tươi và thống nhất về giá cả, số lượng sản phẩm.

4.5 Trà hoa vàng

Kế hoạch phát triển thị trường trà hoa vàng tại huyện Đa Tẻ phải gắn liền với Quy hoạch tổng thể về liên kết thị trường trà hoa vàng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lâm Đồng phê duyệt theo Quyết định số 432/QĐ-SNN ngày 15 tháng 9 năm 2023 để nhận được sự hỗ trợ về tài chính từ kế hoạch này của tỉnh. Kế hoạch này sẽ hỗ trợ tài chính cho việc thiết kế kế hoạch kinh doanh trà hoa vàng ở các hợp tác xã; cung cấp thiết bị chế biến, xây dựng thương hiệu và đóng gói trà hoa vàng; nâng cao năng lực cho nông dân, hợp tác xã trong canh tác, chế biến và cung cấp cây giống cho nông dân. Theo quyết định này, 6 ha trà hoa vàng ở huyện Đa Tẻh sẽ được trồng xen với cây công nghiệp như cà phê, ca cao hoặc các loại cây ăn quả như bưởi, quýt đến năm 2025. Tổng ngân sách dành cho xây dựng năng lực, xây dựng thương hiệu, đóng gói và cung cấp cây giống trà hoa vàng là 1,2 tỷ đồng, trong đó chính quyền địa phương hỗ trợ 50% và phần còn lại là từ các hợp tác xã. Hàng năm, các hợp tác xã sẽ lập kế hoạch hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh trà hoa vàng, sau đó trình Uỷ ban nhân dân huyện thẩm định. Khi phương án được Uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt, kinh phí sẽ được chuyển trực tiếp vào tài khoản của Hợp tác xã để triển khai hoạt động.

Kế hoạch tiếp cận thị trường cho trà hoa vàng ở huyện Đạ Tẻh bao gồm các hoạt động sau:

4.5.1 Nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã và nông dân

Do các công ty chế biến thu mua trà hoa vàng luôn yêu cầu sản phẩm có chất lượng cao, do đó cần tổ chức các khóa đào tạo nâng cao cho cán bộ hợp tác xã và nông dân về quy định liên quan đến tiêu chuẩn VietGap hoặc các tiêu chuẩn canh tác hữu cơ cũng như an toàn thực phẩm. Để giải quyết vấn đề này, dự án có thể hỗ trợ tổ chức đào tạo 5 ngày cho khoảng 25 cán bộ hợp tác xã và nông dân về trồng trà hoa vàng, kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản.

4.5.2 Cung cấp cây giống trà hoa vàng cho nông dân

Hợp tác xã Phương Nam Đạ Huoai là nhân tố thị trường chính thu mua trà hoa vàng từ các hợp tác xã và nông dân khác để sản xuất trà hoa vàng. Theo Quyết định số 432/QD-SNN ngày 15/09/2023 của sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lâm Đồng phê duyệt Dự án phát triển sản xuất và liên kết thị trường cây trà hoa vàng của Hợp tác xã Phương Nam, Uỷ ban nhân dân tỉnh sẽ cung cấp cây giống trà hoa vàng cho các hộ gia đình là thành viên của hợp tác xã hoặc các nông hộ có hợp đồng cung cấp trà hoa vàng cho hợp tác xã này. Tuy nhiên, do ngân sách của việc cung cấp cây giống có thể không đủ cho tất cả các hộ trồng trà hoa vàng, do đó, việc thành lập vườn ươm trà hoa vàng tại hợp tác xã hoặc xã là cần thiết để cung cấp cây giống cho tất cả các hộ gia đình.

4.5.3 Thiết lập kênh thị trường cho trà hoa vàng

Hợp tác xã Phương Nam Đạ Huoai chỉ thu mua trà hoa vàng đã qua sơ chế. Vì lý do này, các hợp tác xã ở huyện Đạ Tẻh nên mua máy sấy lạnh để chế biến trà hoa vàng tươi thành hoa trà khô trước khi cung cấp cho hợp tác xã Phương Nam Đạ Huoai. Giá trà hoa vàng khô khoảng 2.000.000 đồng/kg, trong khi tổng chi phí là 650.000 đồng/kg. Điều này có nghĩa là các hợp tác xã ở Đạ Tẻh có thể thu được lợi nhuận kinh tế đáng kể từ việc chế biến sản phẩm này.

4.6 Diếp cá

Huyện Đa Tẻh có điều kiện thuận lợi để sản xuất diếp cá và loại cây này có thể được trồng xen ở các vườn cà phê hoặc ca cao. Tuy nhiên, diện tích sản xuất còn khá manh mún, năng suất thấp. Điều này có nghĩa là hệ thống sản xuất diếp cá hiện nay không thể đáp ứng được yêu cầu của Công ty Thực phẩm Dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Dalat Farm và ICHIFOODS Đà Lạt thu mua để chế biến bột diếp cá. Để đạt được hiệu quả tốt hơn trong kinh doanh diếp cá, các hoạt động sau được thực hiện với sự hỗ trợ của dự án:

4.6.1 Cải tạo diện tích trồng diếp cá đảm bảo cung cấp nguyên liệu ổn định cho các đơn vị gồm Thực phẩm dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Trang trại Đà Lạt và ICHFOODS Đà Lạt

- Nâng cao năng lực cho hộ trồng diếp cá: Thực tế, người nông dân đã quen với kỹ thuật trồng diếp cá và việc canh tác sản phẩm này không đòi hỏi áp dụng kỹ thuật cao. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng và năng suất của diếp cá, dự án có thể hỗ trợ nông dân địa phương và Hợp tác xã Nông nghiệp Quyết Tâm ở huyện Đạ Tẻh một khóa đào tạo kéo dài hai ngày về trồng diếp cá. Chương trình đào tạo sẽ tập trung vào các nội dung liên quan đến chuẩn bị đất trồng, lựa chọn cây giống, bón phân hữu cơ và phòng chống côn trùng và dịch bệnh. Ngoài ra, cần đào tạo về thu hoạch và sơ chế để nâng cao chất lượng lá diếp cá trước khi cung cấp cho ba công ty nói trên.
- Thành lập vườn ươm cung cấp cây giống cây diếp cá: Chất lượng cây giống có vai trò rất quan trọng để nâng cao chất lượng tổng thể của cây diếp cá. Vì lý do này, Hợp tác xã Nông nghiệp Quyết Tâm hoặc một nhóm nông dân khác nên thành lập vườn ươm để cung cấp cây diếp cá cho các nông hộ có nhu cầu trên địa bàn huyện. Hiện

nay có 43 đơn vị cung cấp giống rau trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ kế hoạch Lâm Đồng chứng nhận về chất lượng cây giống, trong đó công ty Thăng Kiều và Chính Quyền tại xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương cung cấp giống diếp cá chất lượng cao. Nên thành lập vườn ươm diếp cár ộng 200 – 300 m^2 với vốn đầu tư 10 triệu đồng để cung cấp cây giống cho các nông dân khác trong huyện. Dự án có thể hỗ trợ họ thông qua việc cung cấp các khóa đào tạo về thiết lập xây dựng vườn ươm, kỹ thuật trồng trọt (cây giống, thiết kế vườn trồng, tưới nước và bón phân, v.v.), kỹ thuật chăm sóc cây (cắt tỉa, che phủ và kiểm soát cỏ dại, v.v.).

4.6.2 Tăng cường liên kết thị trường cho sản phẩm diếp cá

Cây diếp cá cá có vòng đời kinh doanh ngắn, có thể thu hoạch sau 40 đến 45 ngày. Do đó, trong quá trình bắt đầu canh tác loại cây này, Hợp tác xã Nông nghiệp Quyết Tâm cần thiết lập trước các mối liên hệ với công ty như Thực phẩm dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Dalat Farm và Đà Lạt ICHIFOODS. Để làm được điều này, dự án cần tạo điều kiện trao đổi giữa hợp tác xã và các công ty đó để giới thiệu tiềm năng sản xuất diếp cá ở huyện Đa Tẻh. Ngoài ra, nên tổ chức các chuyến thăm cho hợp tác xã và nông dân đến công ty Thực phẩm dinh dưỡng Đà Lạt (DLNF), Dalat Farm và ICHIFOODS Đà Lạt để tăng cường hiểu biết về chế biến bột diếp cá và các yêu cầu của đơn vị này với lá diếp cá dùng để chế biến bột. Dự án cũng cần hỗ trợ hợp tác xã lập kế hoạch thu gom lá diếp cá từ nông dân và kế hoạch cung cấp nguyên liệu cho các công ty.

Tài liệu tham khảo

Hồng, T., Hà, PV, Hương, Đ. TL, & Hòa, Đ. t. L. (2022). Thực hiện canh tác cao tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp Việt Nam.

UBND huyện Cát Tiên. (2023a). Báo cáo kinh tế xã hội huyện Cát Tiên năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

UBND huyện Cát Tiên. (2023b). Niêm giám thống kê huyện Cát Tiên năm 2022.

UBND huyện Đạ Tẻh. (2023a). Báo cáo kinh tế xã hội năm 2023 và định hướng phát triển năm 2024.

UBND huyện Đạ Tẻh. (2023b). Niêm giám thống kê huyện Đạ Teh năm 2022.

UBND huyện Ea Kar. (2023a). Báo cáo Kinh tế xã hội huyện Ea Kar năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

UBND huyện Ea Kar. (2023b). Niêm giám thống kê huyện Ea Kar năm 2022.